ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

**TRƯỜNG MẦM NON TAM THÔN HIỆP**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2024

**TRƯỜNG** **MẦM NON TAM THÔN HIỆP**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Nguyễn Thị Gái | Hiệu trưởng | Chủ tịch  hội đồng |  |
| 2 | Huỳnh Thị Hân | Phó hiệu trưởng | Phó Chủ tịch  hội đồng |  |
| 3 | Nguyễn Thị Kim Hương | Phó hiệu trưởng | Phó Chủ tịch  hội đồng |  |
| 4 | Nguyễn Thị Ngọc Tâm | Chủ tịch Công đoàn  Tổ trưởng khối chồi  Tổ trưởng khối Nhà trẻ-Mầm-chồi | Ủy viên hội đồng |  |
| 5 | Trần Thị Tuyết Trinh | Bí thư Chi đoàn  Tổ trưởng khối lá | Ủy viên hội đồng, |  |
| 6 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | Ban Thanh tra nhân dân | Uỷ viên hội đồng  Thư ký |  |
| 7 | Nguyễn Thị Châu Long | Tổ trưởng Văn phòng | Uỷ viên hội đồng |  |

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2024

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 03 |
| **Phần I.** **CƠ SỞ DỮ LIỆU** | 05 |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | 11 |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | 11 |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** | 13 |
| **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.** | 13 |
| Mở đầu | 13 |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. | 13 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác | 16 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường. | 17 |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn và tổ trưởng văn phòng. | 21 |
| Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo | 24 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản. | 26 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên. | 29 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục. | 31 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. | 32 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. | 34 |
| *Kết luận Tiêu chuẩn 1* | 36 |
| **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.** | 37 |
| Mở đầu | 37 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng. | 38 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên, | 40 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên. | 43 |
| *Kết luận Tiêu chuẩn 2* | 46 |
| **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.** | 46 |
| Mở đầu | 46 |
| Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm | 47 |
| Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình đảm bảo cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm | 50 |
| Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm | 53 |
| Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn. | 55 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi. | 57 |
| Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước. | 60 |
| *Kết luận Tiêu chuẩn 3* | 63 |
| **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.** | 63 |
| Mở đầu | 63 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẻ trẻ. | 64 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân nhà trường. | 66 |
| *Kết luận Tiêu chuẩn 4* | 69 |
| **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.** | 70 |
| Mở đầu | 70 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. | 70 |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. | 73 |
| Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe. | 76 |
| Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục. | 79 |
| *Kết luận Tiêu chuẩn 5* | 82 |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** | 83 |
| **Phần IV. PHỤ LỤC** | 2-27 |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

1. **Kết quả đánh giá**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn, tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.4 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.7 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.8 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.3 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.4 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.5 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.6 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 4.2 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.4 |  | X | X |  |

**Kết quả:** đạt Mức 2.

**2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp

Tên trước đây: Trường Mẫu giáo Tam Thôn Hiệp

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/ Thành phố trực thuộc Trung ương | Hồ Chí Minh |  | Họ và tên hiệu trưởng | Nguyễn Thị Gái |
| Huyện/quận/thị xã/thành phố | Cần Giờ | Điện thoại | 028.38745.661 |
| Xã/phường/ thị trấn | Tam Thôn Hiệp | Fax | 3.8745.661 |
| Đạt CQG | Mức độ I Tháng 4/2017 | Website | mgtamthonhiep.  hcm.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo Quyết định thành lập) | 1999 | Số điểm trường | 02 điểm  (01 điểm chính và 01 điểm trường) |
| Công lập | x | Loại hình khác | Không |
| Tư thục | Không | Thuộc vùng khó khăn | Không |
| Dân lập | Không |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |  |  |  |

**1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số nhóm, lớp** | **Năm học**  **2019 - 2020** | **Năm học**  **2020-2021** | **Năm học**  **2021-2022** | **Năm học**  **2022-2023** | **Năm học**  **2023-2024** |
| Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |
| Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi | 02 | 01 | 02 | 02 | 02 |
| Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi | 03 | 03 | 02 | 02 | 02 |
| Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi | 04 | 04 | 04 | 04 | 04 |
| **Cộng** | **09** | **09** | **09** | **09** | **09** |

1. **Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2019- 2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** | **Năm học 2023-2024** | **Ghi chú** |
| **I** | Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **II** | Khối phòng phục vụ học tập | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **III** | Khối phòng hành chánh quản trị | 06 | 06 | 06 | 06 | 06 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 06 | 06 | 06 | 06 | 06 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **IV** | Khối phòng tổ chức ăn | 07 | 07 | 07 | 07 | 07 |  |
| 1 | Sử dung chung với phòng sinh hoạt nhóm lớp | 07 | 07 | 07 | 07 | 07 |  |
| **V** | Các công trình, khối phòng chức năng khác | 04 | 04 | 04 | 04 | 04 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 04 | 04 | 04 | 04 | 04 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | **Cộng** | 29 | 29 | 29 | 29 | 29 |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 12 năm 2024

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| **Chưa đạt chuẩn** | **Đạt**  **chuẩn** | **Trên chuẩn** |  |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | 0 | 0 | 0 | 01 |  |
| Phó hiệu trưởng | 02 | 02 | 0 | 0 | 0 | 02 |  |
| Giáo viên | 16 | 16 | 01 | 00 | 0 | 16 |  |
| Nhân viên | 9 | 07 | 00 | 07 | 01 | 01 |  |
| **Cộng** | **28** | **26** | **01** | **7** | **01** | **20** |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học**  **2019 -2020** | **Năm học**  **2020 -2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** | **Năm học 2023-2024** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 13 | 16 | 16 | 16 | 16 |
| 2 | Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ) | 30/2  15 | 24/2  12 | 20/2  10 |  | 16/2  8 |
| 3 | Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú) | 51/3  17 | 48/4  12 | 22/2  11 |  | 15/1  15 |
| 4 | Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú) | 157/8  19,62 | 107/10  10.7 | 123/12  10.25 |  | 179/13  13,7 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 02 | 0 | 02 |
| 6 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 01 | 0 |

**4. Trẻ em**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020- 2021** | **Năm học 2021- 2022** | **Năm học 2022-2023** | **Năm học 2023-2024** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số trẻ em | 238 | 179 | 165 | 230 | 210 |  |
| *- Nữ* | 116 | 111 | 72 | 78 | 86 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 0 | 0 | 2 | 5 | 6 |  |
| 2 | Đối tượng chính sách | 162 | 71 | 78 | 95 | 102 |  |
| 3 | Khuyết tật | 0 | 0 | 01 | 2 | 5 |  |
| 4 | Tuyển mới | 160 | 84 | 29 | 58 | 75 |  |
| 5 | Học 2 buổi/ngày | 32 | 32 | 10 | 16 | 15 |  |
| 6 | Bán trú | 161 | 191 | 142 | 214 | 195 |  |
| 7 | Tỉ lệ trẻ em/lớp | 238/9  26.4 | 179/9  19.8 | 165/9  18.3 | 230/9  25,5 | 210/9  23,3 |  |
| 8 | Tỉ lệ trẻ em/nhóm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | - Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| - Trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 30 | 24 | 20 | 24 | 16 |  |
| - Trẻ em từ 3-4 tuổi | 39 | 47 | 22 | 42 | 40 |  |
| - Trẻ em từ 4-5 tuổi | 86 | 20 | 55 | 62 | 63 |  |
| - Trẻ em từ 5-6 tuổi | 83 | 88 | 68 | 102 | 91 |  |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ:**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ:**

**1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp gồm 02 điểm trường: điểm chính tại ấp An Lộc huyện Cần Giờ với tổng diện tích 4,788,7 m2 gồm 01 trệt, 01 tầng và được đưa vào sử dụng tháng 8 năm 2016; điểm lẻ tại ấp An Hòa với tổng diện tích 1,034 m2.

  Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp có đầy đủ các phòng: phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng giáo dục thể chất, phòng nghệ thuật, khối phòng hành chính quản trị, phòng sinh hoạt chung của trẻ, phòng thư viện, phòng y tế, nhà bếp. Các phòng được trang bị đầy đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho công tác quản lý, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống tốt, tâm huyết với nghề dạy học, hết lòng vì sự nghiệp giáo dục trẻ, có năng lực chuyên môn khá vững vàng, năng nổ nhiệt tình trong công việc, có tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết gắn bó, thống nhất.

Trường có tổ chức Chi bộ Đảng gồm 11 đảng viên, Chi bộ Đảng nhiều năm liền đạt danh hiệu Chi bộ "Hoàn thành tốt nhiệm vụ", Chi bộ giữ vai trò lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường. Các tổ chức khác như: Công đoàn trường nhiều năm đạt danh hiệu Công đoàn xuất sắc vững mạnh, Đoàn thanh niên đạt danh hiệu Chi đoàn vững mạnh. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động tích cực, góp phần cùng với nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

**2. Mục đích tự đánh giá**

Nhà trường đã xác định tự đánh giá chất lượng giáo dục sẽ tạo bước chuyển biến lớn về chất lượng giáo dục của nhà trường. Vì nếu nhà trường tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn được quy định tại Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Từ đó nhà trường mới có thể xác định được hiện trạng, những điểm mạnh, điểm yếu, xác định được kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo các tiêu chí. Nhà trường thực hiện việc tự đánh giá nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục để công khai với xã hội. Từ đó, nhà trường cam kết từng bước phấn đấu thực hiện các biện pháp cải tiến để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

**3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

Để thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục đạt hiệu quả, vào tháng 9/2024 nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục gồm 07 thành viên với đầy đủ các thành phần: Cán bộ quản lý, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn, Tổ trưởng chuyên môn giáo viên, Tổ trưởng văn phòng. Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên theo chức năng, năng lực của mỗi người để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, quy trình tự đánh giá của trường thực hiện qua các bước sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá vào tháng 9/2024.

- Lập kế hoạch tự đánh giá và triển khai công tác tự đánh giá đến toàn trường nhằm quán triệt, giúp đội ngũ và cùng hỗ trợ các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá thực hiện tốt công tác tự đánh giá.

- Chia ba nhóm làm việc: Thu thập, xử lý, phân tích và lưu trữ thông tin minh chứng.

- Tháng 9/2022 các thành viên Hội đồng tự đánh giá viết phiếu đánh giá các tiêu chí xem xét, kiểm tra các nhóm hoạt động, thảo luận các nội dung để bổ sung và hoàn thiện phiếu đánh giá tiêu chí, đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

- Viết báo cáo tự đánh giá tháng 10/2024.

- Công bố báo cáo tự đánh giá qua buổi họp Hội đồng sư phạm nhà trường và bản tin đoàn thể vào tháng 11/2024 để lấy ý kiến góp ý sau đó hoàn thiện báo cáo.

- Hoàn thành báo cáo tự đánh giá vào tháng 12/2024.

Kết quả đạt được trong quá trình tự đánh giá chất lượng giáo dục không chỉ dừng lại ở việc hoàn tất các thủ tục của quy trình kiểm định chất lượng giáo dục mà quan trọng hơn là đã giúp cho nhà trường có cơ sở đánh giá chính xác và thực hiện việc điều chỉnh các hoạt động chăm sóc, giáo dục một cách toàn diện.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu**:

Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp xây dựng đầy đủ kế hoạch năm học thể hiện được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Nhà trường cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các Hội đồng trong trường làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và có sự phối hợp chặt chẽ để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên; thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động. Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên luôn đoàn kết và thống nhất, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Chính quyền và Công đoàn trường Mầm non Tam Thôn Hiệp phối hợp và thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành Giáo dục, địa phương phát động. Trường xây dựng phương án bảo đảm an ninh trật tự trong nhà trường. Thực hiện quản lý tài chính theo đúng quy định, bảo đảm tính công khai, minh bạch.

***Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.***

Mức 1:

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

1. Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu của giáo dục mầm non phù hợp với định hướng phát triển kinh tế – xã hội của địa phương theo từng giai đoạn 2021-2025 và phù hợp với các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01]. Các kế hoạch đều xác định mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 [H1-1.1-02]; Báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.1-03].

b) Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn giai đoạn 2021-2025 được xác định bằng văn bản theo kế hoạch số 95/KH-MNTTH, ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục giai đoạn sau khi ban hành được công bố công khai tại bảng tin của nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-04].

Mức 2:

Đối với kế hoạch chiến lược, nhà trường đã đề ra biện pháp cụ thể để giám sát việc thực hiện như sau: đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm từng năm học thông qua các cuộc họp sơ kết từng năm học và tổng kết cuối giai đoạn, trong các cuộc họp, hiệu trưởng đã tổ chức cho tập thể cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên thảo luận, đánh giá lại kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu đề ra từ đó góp ý, rút kinh nghiệm và thống nhất đề ra các biện pháp để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp xây dựng kế hoạch chiến lược cho những năm học tiếp theo [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Mức 3:

Định kỳ hàng tháng trường thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, thành phần liên tịch [H1-1.1-01]; [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]. Tuy nhiên, còn một vài phụ huynh chưa tham gia vào việc xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển cụ thể, rõ ràng, đầy đủ phù hợp với các quy định, với sự phát triển của địa phương, với nguồn lực nhà trường cũng như các giải pháp thiết thực để giám sát việc thực hiện; có sự công khai minh bạch rõ ràng và kiểm tra theo định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

**3. Điểm yếu**

Một vài phụ huynh chưa tham gia vào việc xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục rà soát, bổ sung phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp tình hình điều kiện đồng thời chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm tổ chức cho phụ huynh tham gia ý kiến đề xuất các giải pháp hiệu quả trong thực hiện. Đồng thời hiệu trưởng vận động cha mẹ trẻ sắp xếp thời gian tham gia vào việc xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025 để đạt hiệu quả cao hơn

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

***Tiêu chí 1.2:*** *Hội đồng trường và các hội đồng khác*

Mức 1:

*a) Được thành lập theo quy định;*

*b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

*c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) TrườngMầm non Tam Thôn Hiệp có đủ các hội đồng trong nhà trường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ sinh hoạt đúng theo điều 8,9 của Điều lệ trường mầm non như: Hội đồng trường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ ra quyết định thành lập, có đủ cơ cấu tổ chức, hoạt động theo quy chế thực hiện nhiệm vụ, chịu trách nhiệm quyết định hoạt động của nhà trường và bảo đảm các mục tiêu chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.2-01]. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tổ chức xét thi đua hằng năm cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường theo các văn bản chỉ đạo của cấp trên vàkhen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích qua các phong trào do trường, cấp trên phátđộng   
[H1-1.2-02]. Hội đồng sáng kiến do hiệu trưởng thành lập từng năm học có nhiệm vụ đánh giá các sáng kiến, kinh nghiệm có giá trị, thiết thực để ứng dụng vào việc đổi mới phương pháp quản lý, chăm sóc, giáo dục trẻ góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường   
[H1-1.2-03]*.*

b) Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện chức năng và quyền hạn theo quy định đáp ứng được các yêu cầu về cơ cấu và hoạt động theo quy định Điều 9,11 của Điều lệ trường mầm non [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.1-03].

c) Hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác họp định kỳ, nhằm rà soát và đánh giá các hoạt động để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ như: hoạt động của Hội đồng trường họp 3 lần/năm học, Hội đồng thi đua - Khen thưởng họp để xét thi đua hằng năm   
[H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường. Tuy nhiên, thời gian hoạt động của các thành viên trong hội đồng chưa đảm bảo đúng tiến độ do đôi lúc công tác đột xuất [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.1-05].

**2. Điểm mạnh**

Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà trường có đủ các hội đồng, từng thành viên trong hội đồng luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ được giao, thường xuyên tư vấn, thúc đẩy giúp hoạt động của trường ngày càng tốt đạt hiệu quả cao.

**3. Điểm yếu**

Thời gian hoạt động của các thành viên trong hội đồng chưa đảm bảo đúng tiến độ do đôi lúc có công tác đột xuất.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024 - 2025, hiệu trưởng tiếp tục duy trì đủ số lượng nhân sự theo cơ cấu để nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động. Ngay đầu năm học, hiệu trưởng phân công công việc cho các thành viên cụ thể, rõ ràng để thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các hội đồng. Hiệu trưởng tạo điều kiện để các thành viên trong hội đồng sắp xếp thời gian đảm bảo thực hiện đúng tiến độ để đạt hiệu quả tốt hơn.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường***

Mức 1:

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm* hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) *Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm* hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) *Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp có các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định:

- Công đoàn trường Mầm non Tam Thôn Hiệp có 28 Công đoàn viên. Công đoàn hoạt động theo Nghị quyết của từng nhiệm kỳ và kế hoạch hoạt động hằng năm của công đoàn. Ban chấp hành Công đoàn trường hoạt động có nề nếp, phát động nhiều phong trào thi đua, tham gia các phong trào thi đua do Công đoàn giáo dục huyện và Liên đoàn Lao động huyện Cần Giờ tổ chức [H1-1.3-01].

- Chi đoàn trường Mầm non Tam Thôn Hiệp có 06 đoàn viên (trong đó 06/06 đoàn viên là giáo viên). Chi đoàn hoạt động theo Nghị quyết và kế hoạch hoạt động của từng năm học. Chi đoàn phối hợp tốt với Công đoàn trường tổ chức nhiều phong trào thi đua cho tập thể trường. Hằng năm, Chi đoàn đều đạt danh hiệu "Chi đoàn vững mạnh nhiều năm liền" [H1-1.3-02].

Ngoài ra, còn có các tổ chức:

- Hội Chữ thập đỏ Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp có 28 hội viên do Hội Chữ thập đỏ huyện Cần Giờ ra quyết định, hoạt động theo Nghị quyết và kế hoạch hoạt động của từng năm học. Hội Chữ thập đỏ luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao (như hiến máu nhân đạo, đóng góp quỹ...) [H1-1.3-03].

- Chi Hội Khuyến học có 28 hội viên là cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường. Hằng năm, Hội Khuyến học đều thành lập quỹ học bổng Nguyễn Đức Cảnh để phát thưởng cho con cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có thành tích học tập cao vào cuối năm học [H1-1.3-04].

b) Công đoàn, Chi đoàn và các tổ chức khác hoạt động trong nhà trường theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục như: Ban Chấp hành Công đoàn thực hiện đúng nhiệm vụ và chức năng, nhiều năm liền đạt Công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ   
[H1-1.3-01]; Chi đoàn đạt chi đoàn Mạnh nhiều năm liền [H1-1.3-02]; Chi hội Chữ thập đỏ hoạt động theo kế hoạch của Hội Chữ thập đỏ huyện Cần Giờ   
[H1-1.3-03]; Chi hội Khuyến học hoạt động theo kế hoạch của Hội Khuyến học xã Tam Thôn Hiệp [H1-1.3-04].

c) Hằng năm các đoàn thể và các tổ chức khác được rà soát, đánh giá về các hoạt động của các đoàn thể và tổ chức khác có nhận xét đánh giá cụ thể các hoạt động làm được và chưa làm được để có giải pháp thực hiện cho năm sau   
[H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 2:

a) Chi bộ trường Mầm non Tam Thôn Hiệp có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trường có Chi bộ độc lập với 14 đảng viên, 11 đảng viên chính thức và 03 đảng viên dự bị, trong đó có (03 đảng viên là cán bộ quản lý, 11 đảng viên là giáo viên). Cấp ủy gồm 01 Bí thư, 01 Phó bí thư và 01 Chi ủy viên, Bí thư chi bộ là Hiệu trưởng nên rất thuận tiện trong công tác lãnh đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý của nhà trường. Nhiều năm liền, chi bộ đạt danh hiệu Chi bộ "Hoàn thành tốt nhiệm vụ", 100% đảng viên được Đảng ủy xã Tam Thôn Hiệp đánh giá *“*Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trong đó có từ 01 đến 02 đảng viên được đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” [H1-1.3-05].

b) Công đoàn, Chi đoàn và các tổ chức khác đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường. Hằng năm, Công đoàn và Đoàn thanh niên đều có giới thiệu những đoàn viên ưu tú cho Đảng [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; Hội Khuyến học đều thành lập quỹ học bổng Nguyễn Đức Cảnh để phát thưởng cho con cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có thành tích học tập cao vào cuối năm học [H1-1.3-04]. Tuy nhiên hồ sơ lưu trữ của công tác Hội Khuyến học, Hội Chữ thập đỏ lưu chưa khoa học.

Mức 3:

a) Nhiều năm liền, Chi bộ trường mầm non Tam Thôn Hiệp đều đạt chi bộ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” 100% đảng viên được Đảng ủy xã Tam Thôn Hiệp đánh giá *“*Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trong đó có từ 01 đến 02 đảng viên được đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” [H1-1.3-05].

b) Công đoàn, Chi đoàn, Hội khuyến học, Hội Chữ thập đỏ trong hoạt động tích cức đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường như công tác thi đua, tham gia phong trào, hiến máu tình nguyện...[H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]. Tuy nhiên, các hoạt hoạt động Hội khuyến học của trường chưa đa dạng phong phú.

**2. Điểm mạnh**

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Sổ lưu trữ của công tác Hội khuyến học, Hội chữ thập đỏ chưa khoa học.

Các hoạt hoạt động Hội khuyến học của trường chưa đa dạng phong phú.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024 - 2025 và những năm học tiếp theo, nhà trường sẽ duy trì cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, tiếp tục giữ vững các danh hiệu tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường. Phân công Phó Hiệu trưởng, văn thư hỗ trợ người phụ trách công tác Hội chữ thập đỏ, hội khuyến học sắp xếp hồ sơ theo năm theo từng nội dung của hội. Phân công Hội khuyến học xây dựng kế hoạch công tác thực hiện của hội theo Quý, theo Học kỳ; Hiệu trưởng duyệt hoặc bổ sung nếu có, dựa vào kế hoạch, thời điểm hội có những hoạt động dàn trải trong suốt năm học.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

**1.4. *Tiêu chí 4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.***

Mức 1:

*a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp có 01 Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.4-01].

b) Năm học 2024-2025 trường có 02 tổ chuyên môn gồm có 16 người và 01 tổ văn phòng có 09 người, theo qui định tại Điều lệ trường mầm non. Nhà trường ra Quyết định thành lập các tổ chuyên môn gồm tổ giáo viên khối nhà trẻ - mầm: từ 24-36 tháng tuổi có 01 nhóm, lớp mầm 3-4 tuổi có 02 lớp (06 giáo viên); khối mẫu giáo 4-5 tuổi có 02 lớp (04 giáo viên), khối mẫu giáo 5-6 tuổi có 04 lớp (06 giáo viên) 01 tổ văn phòng có 09 người (01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên kế toán, 03 nhân viên bảo vệ, 04 nhân viên nấu ăn) [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

c) Căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng, tuần nhằm thực hiện chương trình giáo dục mầm non và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại điều 13,14 của Điều lệ trường mầm non như:

Tổ chuyên môn: có kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tháng, năm học, nhằm thực hiện chư­ơng trình giáo dục mầm non. Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường. Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, có thực hiện đề xuất khen thưởng các danh hiệu thi đua hằng năm cho giáo viên. Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ 2 lần/tháng [H1-1.4-02].

Tổ văn phòng: Có kế hoạch hoạt động của tổ theo tháng, năm nhằm phục vụ cho việc thực hiện các hoạt động của nhà trường về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Tổ văn phòng thực hiện các nhiệm vụ như: giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường, thực hiện bồi d­ưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường, tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên. Tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ 1 lần/tháng [H1-1.4-03].

Mức 2:

1. Từ tháng 9/2024 đến tháng 12/2024, năm học 2024-2025 bộ phận chuyên môn đã đề xuất và thực hiện các chuyên đề cấp trường như: “Giáo dục tình cảm xã hội cho trẻ mầm non” “Đổi mới phát triển nhận thức cho trẻ mầm non” “Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm” “Đổi mới phát triển vận động” nhằm củng cố lại những nội dung đổi mới cho Giáo viên nắm và áp dụng vào các hoạt động gíao dục [H1-1.4-02].

b) Hằng tháng tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ để rà soát, đánh giá, điều chỉnh và xây dựng kế hoạch hoạt động cho tháng tiếp theo   
[H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]. Tuy nhiên, nội dung sinh hoạt chuyên môn hằng tháng ở các tổ chưa đa dạng, phong phú về hình thức.

Mức 3:

1. Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, các hoạt động của nhà trường như: Quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường, thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc các thành viên trong tổ [H1-1.4-02].
2. Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề, chuyên môn của trường như: Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề, dự giờ hoạt động giáo dục, chăm sóc nhóm lớp... góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Ngoài ra, tổ chuyên môn giáo viên còn đề xuất và thực hiện hiệu quả các hoạt động lễ hội cho trẻ như: bé vui đón tết, chào mừng ngày nhà giáo 20/11, Giỗ tổ Hùng Vương, các hội thi [H1-1.4-02]. Tuy nhiên, tổ trưởng chuyên môn là giáo viên kiêm nhiệm chưa tự chủ động công tác dự giờ, kiểm tra, hỗ trợ giúp đỡ giáo viên kịp thời.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

**3. Điểm yếu**

Tổ chuyên môn họp các nội dung sinh hoạt tổ chưa đa dạng, phong phú các hình thức. Tổ trưởng chuyên môn là giáo viên kiêm nhiệm nên công tác dự giờ, kiểm tra, giáo viên chưa nhiều.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024 - 2025, chỉ đạo Phó hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn tăng cường công tác dự giờ giáo viên, phân công Phó hiệu trưởng tham dự sinh hoạt tổ khối để định hướng nội dung đa dạng phong phú.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

***Tiêu chí 1.5:*** *Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo*

Mức 1:

*a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;*

*b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;*

*c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.*

Mức 2:

*Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.*

Mức 3:

*Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Lớp học của trẻ được tổ chức và phân chia theo quy định tại Điều 15 của Điều lệ trường mầm non ban hành Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.5-01]. Năm học 2023-2024, trường Mầm non Tam Thôn Hiệp có 09 nhóm, lớp phân chia theo 04 lứa tuổi như sau:

- Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi: 16 trẻ (01 nhóm lớp)

- Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 40 trẻ (02 lớp)

- Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: 63 trẻ (02 lớp)

- Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: 102 trẻ (04 lớp)

Năm học 2023-2024, tổng số trẻ trong toàn trường là 221 trẻ   
[H1-1.5-01]. Số lượng trẻ trong từng nhóm, lớp tại điểm chính An Lộc đủ theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Điều lệ trường mầm non. Tuy nhiên, số lượng trẻ lớp lá 4 của điểm trường An Hòa còn ít trong một lớp.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nhóm, lớp** | **Sĩ số trẻ/nhóm, lớp** |
| 01 | Nhóm 25-36 tháng | 16 |
| 02 | Lớp 3-4 tuổi (Mầm 1) | 20 |
| 03 | Lớp 3-4 tuổi (Mầm 2) | 20 |
| 04 | Lớp 4-5 tuổi (Chồi 1) | 31 |
| 05 | Lớp 4-5 tuổi (Chồi 2) | 32 |
| 06 | Lớp 5-6 tuổi (Lá 1) | 30 |
| 07 | Lớp 5-6 tuổi (Lá 2) | 27 |
| 08 | Lớp 5-6 tuổi (Lá 3) | 30 |
| 09 | Lớp 5-6 tuổi (Lá 4) | 15 |
|  | **Tổng số trẻ** | 221 |

b) Năm học 2022-2023 trường có 09/09 nhóm lớp học 2 buổi/ngày đạt tỷ lệ 100% [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

c) Trường có 01 trẻ lớp chồi 1 được xác định dạng tật chậm phát triển ngôn ngữ [H1-1.5-03].

Mức 2:

Năm học 2023-2024 trường có số lượng trẻ em trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo đúng theo quy định không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi theo Điều lệ trường mầm non [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Mức 3:

Số lượng nhóm lợp tại trường mầm non Tam Thôn Hiệp hằng năm đảm bảo không quá 20 nhóm lớp/năm học cụ thể như sau:

Năm học 2019-2020: 10 nhóm lớp.

Năm học 2020-2021: 09 nhóm lớp.

Năm học 2022-2022: 09 nhóm lớp.

Năm học 2022-2023: 09 nhóm lớp

Năm học 2023-2024: 09 nhóm lớp [H1-1.5-01].

**2. Điểm mạnh**

Trường có các nhóm lớp, được phân chia theo đúng độ tuổi và có 09/09 nhóm lớp tổ chức học 02 buổi/ ngày.

**3. Điểm yếu**

Số lượng trẻ lớp lá 4 của điểm trường An Hòa còn ít trong một lớp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì số lớp, phân chia số trẻ theo quy định. Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh thêm trẻ 03 - 04 tuổi; phối hợp Ủy ban nhân dân xã để tuyên truyền vận động trẻ đến trường đặc biệt là trẻ 05 tuổi ở các điểm trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

Mức 1:

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp có đầy đủ hồ sơ, sổ sách phục vụ hoạt động giáo dục theo qui định tại Điều 21 Điều lệ trường mầm non ban hành tại Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hồ sơ công tác văn thư, lưu trữ [H1-1.6-01]; hồ sơ quản lý tài sản, cơ sở vật chất [H1-1.6-02]; hồ sơ quản lý tài chính [H1-1.6-03]; hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.6-04]; hồ sơ quản lý chuyên môn [H1-1.6-05].

Tất cả hồ sơ sổ sách phục vụ hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, chứng từ tài sản, tài chính được quản lý, lưu trữ và sắp xếp bằng văn bản tại trường theo Thông tư 09/2011/TT-BNV ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nội vụ về quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức [H1-1.6-01]. Bên cạnh đó, nhà trường còn lưu đầy đủ các biên bản kiểm tra của cấp có thẩm quyền về việc kiểm tra hệ thống hồ sơ, sổ sách, các hoạt động chuyên môn, công tác bồi dưỡng, công tác hành chính đơn vị [H1-1.6-06]. Tuy nhiên, hồ sơ lưu trữ sắp xếp chưa khoa học.

b) Hằng năm kế toán trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định [H1-1.6-03]; thực hiện công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-03]. Hằng năm, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-07].

c) Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-02]; Các nhóm, lớp và các bộ phận đều có sổ quản lý tài sản, thực hiện kiểm kê vào đầu, giữa và cuối năm học. Thực hiện thu, chi quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, báo cáo kiểm kê đúng thời gian quy định*.* Hằng năm, trường có xây dựng kế hoạch tăng cường quản lý mua sắm tài sản, bảo quản cơ sở vật chất, trang bị, bổ sung các đồ dùng đồ chơi theo danh mục Thông tư 02 và đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục quy định [H1-1.6-02]. Tuy nhiên, Còn 01 phòng học điểm trường An Hòa không tổ chức giảng dạy do số lượng trẻ 4-5 tuổi chưa ra lớp nhiều.

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính thông qua các phần mềm như: phần mềm quản lý cán bộ công chức, phần mềm PMIS, phần mềm quản lý hồ sơ điện tử, phần mềm phổ cập giáo dục. Nhà trường thực hiện quản lý tài chính và tài sản thông qua các phần mềm như: phần mềm quản lý tài sản, phần mềm kế toán IMAS, phần mềm VIETEC quản lý công tác thu chi hoạt động bán trú tại đơn vị   
[H1-1.6-07].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo biên bản kiểm tra quyết toán hằng năm [H1-1.6-06].

Mức 3:

Hằng năm trường có kế hoạch ngắn hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Trường chưa có xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. [H1-1.6-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo đúng quy định. Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ tại đơn vị.

**3. Điểm yếu:**

Còn 01 phòng học điểm trường An Hòa không tổ chức giảng dạy do số lượng trẻ 4-5 tuổi chưa ra lớp nhiều.

Trường chưa có xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục thực hiện đầy đủ hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo đúng quy định để phục vụ các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị*.* Chỉ đạo bộ phận kế toán căn cứ tình hình và nhu cầu thực tế các nguồn thu tại đơn vị.

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp tại đơn vị.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.***

Mức 1:

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường*.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

1. Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và tổ chức thực hiện hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng quản lý, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị, đáp ứng yêu cầu công tác hiện nay. Nhà trường có tổ chức đánh giá sơ kết, tồng kết, kết quả bồi dưỡng [H1-1.7-01]. Nhà trường thực hiện việc đề bạt cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức: Tổ chức họp Chi bộ, hội đồng sư phạm và lấy phiếu tín nhiệm đối với cán bộ quản lý được quy hoạch [H1-1.7-02].
2. Hằng năm, trường có phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng hợp lý vào đầu năm học nhằm phát huy hiệu quả công việc từng cá nhân phục vụ cho hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.5-02].

c) Cán bộ quản, giáo viên và nhân viên trường Mầm non Tam Thôn Hiệp được đảm bảo các quyền theo quy định tại tại Điều 10 và Điều 28 Điều lệ trường mầm non ban hành tại Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo như: trường trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi, bảo hộ lao động để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Cán bộ, giáo viên, nhân viên được đi học nâng chuẩn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định [H1-1.6-03]; [H1-1.7-01].

Mức 2:

Hằng năm trường có biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường thể hiện qua các giải pháp, kế hoạch hoạt động của nhà trường và các hoạt động đoàn thể, hội thi giáo viên mầm non dạy giỏi cấp trường, tham gia giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp thành phố [H1-1.7-03]. Tuy nhiên, còn một vài giáo viên tham gia hội thi đồ dùng đồ chơi chưa phát huy tính thẩm mỹ và độ bền.

**2. Điểm mạnh**

Trường có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm. Trường có phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng hợp lý.

**3. Điểm yếu**

Giáo viên tham gia hội thi đồ dùng đồ chơi chưa phát huy tính thẩm mỹ và độ bền.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch định hướng giáo viên sử dụng nguyên vật liệu khi tham gia hội thi đồ dùng đồ chơi mang tính thẩm mỹ, độ bền cao nhằm đảm bảo an toàn khi trẻ tham gia hoạt động.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

Mức 1:

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, giáo viên căn cứ Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kế hoạch năm học của nhà trường và tình hình thực tế tại địa phương, đơn vị để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với khả năng của trẻ [H1-1.8-01].

b)Kế hoạch giáo dục được xây dựng theo sự chỉ đạo của ngành, các giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với lứa tuổi trẻ đang phụ trách, thực hiện đầy đủ các nội dung như: kế hoạch năm, tháng, tuần, ngày, các nội dung trong kế hoạch xuyên suốt và logic trong quá trình thực hiện [H1-1.8-01].

c) Kế hoạch giáo dục của từng nhóm, lớp hằng tháng được phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn kiểm tra, nhận xét, đánh giá định kỳ để giáo viên kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch [H1-1.8-01].

Mức 2:

Trường có các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ và được cơ quan quản lý đánh giá hiệu quả hằng năm. Tuy nhiên, kế hoạch kiểm tra đánh giá đôi lúc thực hiện chưa đúng tiến độ, còn bị động do có những công tác đột xuất [H1-1.6-06]; [H1-1.8-02].

**2. Điểm mạnh**

Trường thực hiện đầy kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường, nhóm lớp được đảm bảo phù hợp với Chương trình giáo dục mầm non chăm sóc, giáo dục trẻ, định kỳ có chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá.

**3. Điểm yếu**

Kế hoạch kiểm tra đánh giá đôi lúc thực hiện chưa đúng tiến độ, còn bị động do có những công tác đột xuất.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng sẽ tiếp tục tạo mọi điều kiện thuận lợi, động viên để tổ chuyên môn, giáo viên duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động. Đồng thời, phân công 02 phó hiệu trưởng sắp xếp thời gian thực hiện kiểm tra đánh giá giáo viên, nhân viên kịp thời theo kế hoạch đề ra nhằm góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở***

Mức 1:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

Mức 2:

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm,**nhà trường** xây dựng quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, quy chế chi tiêu nội bộ, kế hoạch năm học... và phổ biến công khai đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia đóng góp ý kiến thông qua hội nghị cán bộ, công chức, viên chức trước khi tổ chức thực hiện (theo Thông tư Số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập) [H1-1.9-01].

b) Nhiều năm qua, nhà trường chưa nhận được thư khiếu nại, tố cáo... của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ. Bên cạnh đó, nhà trường có phân công cán bộ quản lý, đoàn thể tiếp công dân, phụ huynh thể hiện qua lịch công tác tuần của nhà trường, để giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền của nhà trường [H1-1.9-02].

c) Hằng năm, nhà trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở   
[H1-1.9-01].

Mức 2

Các hoạt động của nhà trường thực hiện theo quy chế dân chủ, dưới sự giám sát của Ban thanh tra nhân dân. Nhà trường tạo mọi điều kiện để Ban thanh tra nhân dân thực hiện tốt, các hoạt động của Ban thanh tra nhân dân được tiến hành thường xuyên và có báo cáo hàng năm [H1-1.9-02]. Ngoài việc công khai kế hoạch công tác năm, kinh phí hoạt động hàng năm, kê khai tài sản...nhà trường còn thực hiện công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai [H1-1.9-03]. Tuy nhiên, các hoạt động giám sát của ban thanh tra nhân dân chưa nhiều và chưa đa dạng các hình thức giám sát.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ, phát huy được tính dân chủ trong cán bộ, giáo viên, nhân viên trường. Trong những năm học qua trường không có đơn thư kiếu nại tố cáo.

**3. Điểm yếu:**

Các hoạt động giám sát của ban thanh tra nhân dân chưa nhiều và chưa đa dạng các hình thức giám sát.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Trong năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ, thực hiện tốt việc công khai, minh bạch theo quy định. Chỉ đạo, hướng dẫn Ban thanh tra nhân dân trường chủ động nghiên cứu thêm một số hoạt động của Ban thanh tra để đưa ra nhiều các hình thức kiểm tra, giám sát nội dung về thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở đạt hiệu quả hơn.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học***

Mức 1:

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a)Trường có đầy đủ các phương án đảm bảo: phương án đảm bảo an ninh trật tự trường học [H1-1.10-01]; có kế hoạch phòng chóng tại nạn thương tích, chống dịch bệnh, xây dựng lịch vệ sinh trường lớp bằng dung dịch Cloramin B, đồng thời phân công giáo viên và nhân viên tổng vệ sinh định kỳ để phòng chống dịch bệnh, phối hợp với Trạm y tế xã Tam Thôn Hiệp trong công tác phòng chống dịch bệnh, có đầy đủ các biên bản kiểm tra y tế của địa phương, cấp trên [H1-1.10-02]. Trường tổ chức bếp ăn bán trú và được cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định. Xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn về công tác phòng cháy chữa cháy cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Trang bị đầy đủ các bình chữa cháy và đặt ở vị trí dễ nhìn thấy, dễ sử dụng, thực hiện tốt công tác tự kiểm tra về phòng chống cháy nổ. Trong những năm qua, không xảy ra cháy nổ tại đơn vị [H1-1.10-3]. Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch phòng, chống các tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực trong trường học [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05].

b) Trường có hộp thư góp ý, số điện thoại trường, hiệu trưởng đặt trước cổng trường để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của cha mẹ học sinh, người dân [H1-1.10-06]. Có phương án đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, trẻ em tại trường [H1-1.10-07].

c) Tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường có tinh thần đoàn kết nội bộ thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại đơn vị, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lưc, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.10-05].

Mức 2:

a) Hằng năm trường xây dựng phương án bảo đảm an toàn cho trẻ, tổ chức tập huấn cho giáo viên, tuyên truyền đến cha mẹ trẻ thông qua các buổi nói chuyện chuyên đề, buổi họp cha mẹ học sinh; bản tin trường, lớp các nội dung: Phòng chóng cháy, nổ; an toàn trường học; phòng, chống dịch bệnh   
[H1-1.10-2]. Tuy nhiên, trường chưa báo cáo kịp thời về công tác phòng chống cháy, nổ trường học

b) Căn cứ vào Quy chế phối hợp giữa nhà trường với công an xã Tam Thôn Hiệp về công tác bảo đảm an ninh trật tự theo từng năm.Hằng năm, nhà trường xây dựng phương án bảo đảm an ninh trật tự và triển khai đến cán bộ, giáo viên, nhân viên*.* Trong 05 năm qua, an ninh trật tự của trường luôn bảo đảm, không có tệ nạn xã hội, mất trật tự, mất an ninh xảy ra [H1-1.10-01]. Nhà trường xây dựng kế hoạch phòng, chống các tệ nạn xã hội và bạo lực trong nhà trường, đưa các biện pháp để thực hiện ngăn chăn kịp thời. Đến nay, nhà trường chưa xảy ra tệ nạn xã hội và bạo lực học đường.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng đầy đủ các kế hoạch và thực hiện tốt các kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh; bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; không xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm, tai nạn thương tích, dịch bệnh trong nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Chưa báo cáo kịp thời về công tác phòng chống cháy, nổ trường học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024-2025, trường duy trì và thực hiện tốt các phương án bảo đảm an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh, phòng chống cháy nổ, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Nhà trường sẽ kiến nghị với công an phòng cháy chữa cháy hằng năm sẽ thông báo cụ thể thời gian báo cáo công tác phòng chống cháy nổ.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 1:**

**\* Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường có đủ các cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Trường thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ quản lý hành chính phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường theo qui định và có các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho trẻ và cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; thực hiện quản lý chuyên môn, quản lý tài chính, tài sản, phong trào thi đua theo kế hoạch và chỉ đạo của cấp trên.

**\* Điểm yếu cơ bản:**

Một vài cha mẹ trẻ chưa tham gia vào việc xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 - 2025.

Tổ chuyên môn họp các nội dung sinh hoạt tổ chưa đa dạng, phong phú các hình thức.

Số lượng trẻ lớp lá 04 của điểm trường An Hòa còn ít trong một lớp.

Còn 01 phòng học điểm trường An Hòa không tổ chức giảng dạy do số lượng trẻ 4 - 5 tuổi chưa ra lớp nhiều.

Trường chưa có xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

Các hoạt động giám sát của ban thanh tra nhân dân chưa nhiều và chưa đa dạng các hình thức giám sát.

**\* Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10**

**\* Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10**

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

**Mở đầu:**

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đạt các yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường mầm non, có đủ năng lực để triển khai các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại đơn vị.

Đội ngũ giáo viên của trường đạt các yêu cầu về trình độ đào tạo theo quy định Điều lệ trường mầm non. Giáo viên có kiến thức cơ bản về giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật; thực hiện công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện nghiêm túc việc tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; vận dụng sáng tạo, có hiệu quả các phương pháp giáo dục và ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động giáo dục. Đội ngũ nhân viên của trường cơ bản đạt trình độ theo quy định của Điều lệ trường mầm non, thực hiện tốt công tác kiêm nhiệm tổ trưởng văn phòng. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường được đánh giá xếp loại hằng năm và được đảm bảo các quyền lợi theo quy định của pháp luật.

***Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.***

Mức 1:

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hiệu trưởng có thời gian công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non 32 năm, có bằng Đại học mầm non, đã qua lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục, có trình độ Trung cấp Lý luận Chính trị [H1-1.4-01]; phó hiệu trưởng phụ trách công tác giáo dục có thời gian công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non 26 năm, có bằng cử nhân mầm non, đã qua lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục. Phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc nuôi dưỡng có thời gian công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non 28 năm, có bằng cử nhân mầm non, đã qua lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục [H1-1.4-01]. Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có đủ sức khỏe, năng lực quản lý hoạt động của trường.

b) Hằng năm, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá, xếp loại khá, tốt theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trưởng trường mầm non, cụ thể như sau:

- Năm học 2019-2020 đạt khá: 03/03 đạt tỷ lệ 100%.

- Năm học 2020-2021 đạt khá: 03/03 đạt tỷ lệ 100%.

- Năm học 2021-2022 đạt khá: 03/03 đạt tỷ lệ 100%.

- Năm học 2022-2023 đạtkhá: 03/03 đạt tỷ lệ 100%.

- Năm học 2023-2024 đạtkhá: 03/03 đạt tỷ lệ 100%.

Cán bộ quản lý nhà trường luôn được giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ tín nhiệm [H2-2.1-01].

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định, tham gia học Bồi dưỡng thường xuyên. Trong năm học 2024 có 03 cán bộ quản lý (Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng) đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II [H2-1.4-02]. Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng chưa tham gia lớp bồi dưỡng cao cấp lý luận chính trị.

Mức 2:

a) Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá xếp loại chuẩn Hiệu trưởng đạt mức khá [H2-2.1-01].

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hàng năm được bồi dưỡng, tập huấn về các nội dung chuyên môn, lý luận chính trị, bồi dưỡng thường xuyên. Được sự tín nhiệm của giáo viên, nhân viên trường [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Mức 3:

Năm học 2019-2020 hiệu trưởng được đánh giá xếp loại đạt mức tốt, từ năm học 2023-2024 đến thời điểm đánh giá hiệu trưởng được đánh giá chuẩn hiệu trưởng đạt mức khá [H2-2.1-01]

**2. Điểm mạnh**

Cán bộ quản lý nhà trường đáp ứng các yêu cầu của Điều lệ trường mầm non về phẩm chất đạo đức, thời gian công tác, trình độ, năng lực nghiệp vụ quản lý để tổ chức triển khai tốt các hoạt động của trường.

**3. Điểm yếu**

Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng chưa tham gia lớp bồi dưỡng cao cấp lý luận chính trị.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo Cán bộ quản lý nhà trường duy trì tổ chức hiệu quả các hoạt động trong nhà trường để cùng với tập thể trường hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn, có kế hoạch cử cán bộ quản lý tham gia học tập lớp bồi dưỡng cao cấp lý luận chính trị.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

***Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.***

Mức 1:

*a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên*

Mức 3:

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%.*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ Quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở Giáo dục mầm non công lập: năm học 2023-2024 trường có 16 giáo viên cơ cấu đủ cho 09 lớp với tổng số223 trẻ, trong đó 16 trẻ nhà trẻ và 217 trẻ mẫu giáo [H2-2.2-01].

b) Giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo 16/16 - đạt 100% (Đại học mầm non [H2-2.2-02].

c) Năm học 2023-2024 trường có 16/16 giáo viên, tỉ lệ 100% được đánh giá xếp loại theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt từ khá trở lên không có giáo viên xếp loại trung bình [H2-2.2-03].

Mức 2:

a) Hằng năm trường xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ tại đơn vị để nâng mức giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn theo lộ trình cụ thể đến thời điểm hiện tại trường có 10% giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo trở lên. Trong đó, trên chuẩn 16/16 giáo viên đạt 100% (Đại học mầm non: 16) [H1-1.7-01]; [H2-2.2-02].

b) Hằng năm, giáo viên nhà trường được đánh giá, xếp loại giáo viên mầm non theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Cụ thể như sau:

- Năm học 2019-2020 giáo viên xếp loại khá 13/13 đạt tỷ lệ 100%   
 - Năm học 2020-2021 giáo viên xếp loại khá 13/13 đạt tỷ lệ 100%, không xếp loại (04 giáo viên không đánh giá chưa đủ chuẩn)

- Năm học 2021-2022 giáo viên xếp loại khá 12/12 đạt tỷ lệ 100%, không xếp loại (04 giáo viên không đánh giá chưa đủ chuẩn) [H2-2.2-03].

- Năm học 2022-2023 giáo viên xếp loại khá 12/12 đạt tỷ lệ 100%, không xếp loại (04 giáo viên không đánh giá chưa đủ chuẩn)

- Năm học 2023-2024 giáo viên xếp loại khá 16/16 đạt tỷ lệ 100% [H2-2.2-03].

c) Giáo viên thực hiện tốt nội quy, quy định và quy chế chuyên môn tại đơn vị. Trong 05 năm qua tính đến tháng 12 năm 2024 trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.4-01].

Mức 3:

a) 16/16 giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo trở lên tỉ lệ 100%. Trong đó, trên chuẩn 160/16 giáo viên đạt 100%; (Đại học mầm non: 16) [H2-2.2-01].

b) Hằng năm, giáo viên nhà trường được đánh giá, xếp loại giáo viên mầm non theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 tỷ lệ xếp loại như sau:

- Năm học 2019-2020 có 100% giáo viên xếp loại khá [H2-2.2-03].

- Năm học 2020-2021 có 100% giáo viên xếp loại khá trở lên; trong đó giáo viên xếp loại xuất sắc 30,8%.[H2-2.2-03].

- Năm học 2021-2022 có 100% giáo viên xếp loại khá trở lên; trong đó giáo viên xếp loại xuất sắc 37.5%.[H2-2.2-03].

- Năm học 2022-2023 có 100% giáo viên xếp loại khá trở lên; trong đó giáo viên xếp loại xuất sắc 37.5%.[H2-2.2-03].

- Năm học 2023-2024 có 100% giáo viên xếp loại khá [H2-2.2-03].

**2. Điểm mạnh:**

Giáo viên đủ về số lượng và đáp ứng được các yêu cầu công việc, 100% đạt trình độ đào tạo theo quy định của Điều lệ trường mầm non số lượng giáo viên đạt trình độ trên chuẩn cao. Tập thể giáo viên nhiệt tình, luôn tích cực trao dồi chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nhà giáo.

**3. Điểm yếu:**

Có 04 Giáo viên chưa học tập lớp Trung cấp chính trị.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Trong năm 2024 - 2025 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch để cử 04 giáo viên có trình độ trung cấp học lớp nâng chuẩn, tổ chức các phong trào thi đua nhằm động viên, khích lệ giáo viên tích cực bồi dưỡng trao dồi chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nhà giáo.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.***

Mức 1:

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

Mức 1:

a) Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp có đủ số lượng nhân viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bộ Nội vụ Quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở Giáo dục mầm non công lập gồm: 01 nhân viên kế toán hợp đồng khoán; 04 nhân viên cấp dưỡng (04 nhân viên hợp đồng Nghị định 111); 01 nhân viên văn thư; 03 bảo vệ (03 nhân viên Nghị định 111), [H2-2.2-01].

b) Đội ngũ nhân viên của nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, chức năng với sự phân công của hiệu trưởng theo quy định tại điều 36 của Điều lệ trường mầm non và được bảo đảm chế độ, chính sách theo quy định như: được phân công công việc phù hợp với năng lực từng cá nhân, các khoản lương, trợ cấp Tết, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 [H1-1.7-03].

c) Hằng năm 100% đội ngũ nhân viên trường được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H1-2.3-01] cụ thể:

Năm học 2019-2020 có 07/07 nhân viên xếp loại công chức viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 100%.

Năm học 2020-2021 có 07/07 nhân viên xếp loại công chức viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Năm học 2021-2022 có 07/07 nhân viên xếp loại công chức viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 100%.

Năm học 2022-2023 có 07/07 nhân viên xếp loại công chức viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 100%.

Năm học 2023-2024 có 06/06 nhân viên xếp loại công chức viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 100%.

Mức 2:

a) Trường thuộc loại hình trường công lập có cơ cấu số lượng nhân viên đủ theo quy định định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT- BGDĐT- BNV ngày 16/3/2015 Bộ GDĐT và Bộ Nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập gồm có 01 nhân viên kế toán; 01 nhân viên văn thư hằng năm được Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Cần Giờ phê duyệt [H2-2.2-01].

b) Đội ngũ nhân viên có tinh thần đoàn kết, có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Trong 05 năm qua trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.4-01].

Mức 3:

a) Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: đội ngũ nhân viên của trường đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cụ thể: kế toán có trình độ chuyên môn đại học kế toán, nhân viên văn thư có trình độ trung cấp văn thư lưu trữ, 04/04 nhân viên cấp dưỡng có chứng chỉ sơ cấp nấu ăn. 01/03 nhân viên bảo vệ đã được bồi dưỡng về nghiệp vụ bảo vệ, tập huấn phòng chống cháy nổ [H1-1.4-01]. Có 01 nhân viên bảo vệ hợp đồng khoán chưa được tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ

b) Hằng năm, các nhân viên trường được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công nội dung học tập ghi chép đầy đủ [H1-1.7-01].

**2. Điểm mạnh**

Trình độ nhân viên: Kế toán, văn thư đều đạt trình độ chuẩn đào tạo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non và nhân viên bảo vệ, phục vụ đã được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn theo vị trí công việc được giao.

**3. Điểm yếu**

01 nhân viên bảo vệ hợp đồng khoán chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục duy trì bố trí, sử dụng các nhân viên theo định biên được giao; tạo mọi điều kiện thuận lợi để từng thành viên phát huy tốt năng lực. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch để cử 01 nhân viên bảo vệ hợp đồng khoán tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn.

**5. Tự đánh giá:** đạtMức 2.

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 2:**

**\* Điểm mạnh nổi bật:**

Cán bộ quản lý có năng lực quản lý và tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường.

Số lượng giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn cao, đạt 100%. Giáo viên thực hiện tốt nội quy, quy định và quy chế chuyên môn tại đơn vị.

Đội ngũ nhân viên của trường đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Nhân viên được đảm bảo chế độ chính sách theo quy định.

**\* Điểm yếu cơ bản:**

Có 04 giáo viên chưa học lớp trung cấp Chính trị.

01 nhân viên bảo vệ chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn.

**\* Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03**

**\* Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/0**

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu:**

Nhà trường được đầu tư về cơ sở vật chất phù hợp đáp ứng nhu cầu chăm sóc và giáo dục trẻ, các công trình được xây dựng kiên cố, mỗi nhóm lớp đều có đầy đủ các phòng sinh hoạt, ăn, ngủ, vệ sinh với môi trường sư phạm xanh, sạch, đẹp, an toàn. Khuôn viên nhà trường, sân, vườn và khu vực cho trẻ chơi bảo đảm theo quy định. Nhà trường có diện tích đất rộng, đặt tại vị trí trung tâm thuận lợi cho việc cha mẹ học sinh đưa đón trẻ.

Các phòng học, phòng sinh hoạt chung, khối phòng hành chính quản trị của nhà trường có diện tích, đồ dùng thiết bị bảo đảm theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

***Tiêu chí 3.1:*** *Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm*

*a) Vị trí đặt trường, điểm trường;*

*b) Quy mô;*

*c) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình.*

Mức 2:

*a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

*b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;*

*c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).*

Mức 3:

*Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

a) Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp điểm chính tọa lạc Ấp An Lộc; điểm trường Ấp An Hòa xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giờ. Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp được thành lập theo quyết định 1049/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ. Trường đặt tại vị trí trung tâm thuận lợi cho việc cha mẹ học sinh đưa, đón trẻ đến trường [H3-3.1-01].

b) Quy mô của trường Mầm non Tam Thôn Hiệp gồm có 09 phòng học, có 04 phòng chức năng và khối phòng hành chính quản trị của nhà trường có diện tích, đồ dùng, thiết bị bảo đảm theo quy định của Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

c) Nhà trường có diện tích đất xây dựng theo quy định: tổng diện tích đất của trường là 5,822,7 m2 (01 điểm chính ấp An Lộc diện tích: 4,788,7 m2; 01 điểm trường An Hòa diện tích 1,034 m2) với tổng số trẻ toàn trường là 227 trẻ, diện tích đất bình quân là 25,6 m2/trẻ. Các công trình của trường được xây dựng kiên cố [H1-1.6-02].

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo tiêu chuẩn cụ thể: Diện tích xây dựng công trình 1,996 m2 /5,822,7 m2 đạt 34,2% trên tổng diện tích đất. Diện tích sân vườn, cây xanh, thảm cỏ 1,636 m2/5,822,7 m2 đạt 28,1% trên tổng diện tích đất [H1-1.6-02].

b) Sân chơi được trang bị đủ các thiết bị và đồ dùng, đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non. Sân trường thường xuyên vệ sinh sạch sẽ, có rào chắn đối với các khu vực chơi đối với trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo [H1-1.6-02]. Trường có vườn cây gồm nhiều loại cây như: cây cảnh, cây ăn quả, các loại rau, củ, quả gần gũi với trẻ. Mỗi loại cây đều có gắn biển tên, bố trí thuận tiện dành riêng cho trẻ chăm sóc, giúp trẻ khám phá, học tập. Tuy nhiên, cây hoa chưa đa dạng, phong phú về chủng loại [H3-3.1-01]. Khu vực chơi của trẻ được lát gạch bằng phẳng, các đồ chơi ngoài sân bảo đảm an toàn, phù hợp. Có ít nhất 05 loại trò chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non: cầu tuột, đồ chơi liên hoàn, xích đu, các con thú nhún, bập bênh, đồ chơi phát triển vận động bảo đảm an toàn cho trẻ khi tham gia hoạt động vui chơi ngoài trời. Tuy nhiên, một số cây hoa kiểng đôi lúc chưa được xanh tươi do đất ít chất dinh dưỡng, cây xanh điểm chính, điểm lẻ chưa có nhiều bóng mát do trường rộng [H3-3.1-02].

Mức 3:

Sân vườn rộng, thoáng mát có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động cho trẻ. Có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ em tuy nhiên các đồ dùng đồ chơi chưa nhiều, chưa đa dạng phong phú [H3-3.1-01]; [H1-1.6-02].

**2. Điểm mạnh**

Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp được xây dựng kiên cố, Khuôn viên trường có tường bao quanh chắc chắn, có sân chơi rộng, thoáng mát và có đủ các thiết bị đồ dùng đồ chơi.

**3. Điểm yếu**

Các loại cây hoa chưa đa dạng, phong phú về chủng loại, cây xanh chưa có nhiều bóng mát.

Thiết bị đồ chơi ngoài danh mục chưa nhiều, chưa đa dạng phong phú.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2024 - 2025, nhà trường tiếp tục duy trì các phòng học, phòng sinh hoạt chung, khối phòng hành chính quản trị của nhà trường, đồ dùng thiết bị bảo đảm theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

Tiếp tục duy trì chất lượng các công trình nhà trường. Bổ sung đa dạng các loại cây, hoa. Liên hệ Phòng tài nguyên môi trường để bổ sung thêm các loại cây có bóng mát để trồng tạo bóng mát cho khuôn viên trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 3.2:*** *Các hạng mục công trình đảm bảo cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm*

**1. Mô tả hiện trạng:**

Mức 1:

*a) Khối phòng hành chính quản trị;*

*b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;*

*c) Khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các trường có tổ chức nấu ăn), khối phụ trợ.*

Mức 2:

*a) Khối phòng hành chính quản trị;*

*b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;*

*c) Khối phụ trợ.*

Mức 3:

*Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

Mức 1:

a) Trường có 09 phòng học tương đương 09 nhóm lớp gồm 01 nhóm trẻ nhà trẻ và 08 lớp mẫu giáo [H1-1.6-02].

b) Hệ thống phòng học của trường có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ được sử dụng chung với phòng sinh hoạt chung. Trường có các phòng chức năng để tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ như: Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng vi tính, phòng thư viện [H3-3.1-01];   
[H1-1.6-02].

c) Các phòng học, phòng chức năng và các phòng khác của trường có trang bị đầy đủ hệ thống đèn, quạt đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát cho trẻ hoạt động. Các phòng có tủ đựng hồ sơ giáo viên, hồ sơ trẻ và có đầy các thiết bị đồ dùng đồ chơi phục vụ hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ phù hợp theo từng lứa tuổi [H3-3.1-01]; [H1-1.6-02].

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non cụ thể:

- Phòng sinh hoạt chung: diện tích 81 m2 (trung bình 3,24 m2/trẻ), đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng mát; nền nhà lát gạch Ceramic màu sáng, tường được ốp gạch Ceramic màu sáng cao 2,0 m2; có nơi để đồ dùng phục vụ trẻ ngủ liền kề phòng sinh hoạt chung. Tuy nhiên phòng học lớp nhà trẻ được lót sàn gỗ bị hư không an toàn cho trẻ [H3-3.2-01]; [H1-1.6-02].

- Phòng ngủ: diện tích 81 m2 (trung bình 3,24 m2/trẻ) có rèm cửa, phòng thoáng mát, yên tĩnh được trang bị đủ đồ dùng phục vụ giờ ngủ của trẻ như: giường, gối, mền... [H3-3.2-01]; [H1-1.6-02].

- Phòng giáo dục thể chất: diện tích 72 m2 và 01 phòng phòng giáo dục nghệ thuật rộng 63 m2 phòng cóđủ ánh sáng, có các đồ dùng dụng cụ thể dục, âm nhạc như: gậy, vòng, cổng chui, băng ghế, thang trèo, bục nhảy và các nhạc cụ, trang phục biểu diễn...[H3-3.2-01]; [H1-1.6-02]. Tuy nhiên phòng thể chất chưa được lót sàn gỗ.

- Phòng giáo dục Nghệ thuật: có diện tích 63m2, có gương và gióng múa, được lót thảm, có hệ thống âm thanh, có đàn, nhạc cụ, có tủ đồ dùng, đồ chơi âm nhạc, quần áo, trang phục, đạo cụ múa, có nhà vệ sinh cho trẻ nam nữ riêng   
[H3-3.2-01]; [H1-1.6-02].

- Phòng Thư viện: Có diện tích 46 m2, có kệ để sách, bàn ghế, và 100 đầu sách   
[H3-3.2-02]; [H1-1.6-02].

- Phòng vi tính: có diện tích 45 m2, có 20 máy tính và đầy đủ các trang thiết bị [H3-3.2-01]; [H1-1.6-02].

b) Tất cả đồ dùng, thiết bị bảo đảm theo đúng quy cách do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định như: lớp học, phòng làm việc, phòng chức chức năng được trang bị hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.H3-3.2-01]; [H1-1.6-02].

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc như:

- Phòng giáo dục âm nhạc: có diện tích 63 m2, có gương và gióng múa, được lót thảm, có hệ thống âm thanh, có đàn, nhạc cụ, có tủ đồ dùng, đồ chơi âm nhạc, quần áo, trang phục, đạo cụ múa, có nhà vệ sinh cho trẻ nam nữ riêng   
[H3-3.2-01]; [H1-1.6-02].

- Phòng học anh văn: diện tích 81m2, có kệ để sách, bàn ghế, bảng tương tác, tivi, hình ảnh [H3-3.2-02]; [H1-1.6-02].

- Phòng vi tính: có diện tích 45 m2, có 20 máy tính và đầy đủ các trang thiết bị [H3-3.2-01]; [H1-1.6-02].

**2. Điểm mạnh**

Trường có đủ số phòng học tương ứng số nhóm lớp theo độ tuổi. Diện tích phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, hiên chơi…bảo đảm theo quy định; có đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng. Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

**3. Điểm yếu**

Phòng học lớp nhà trẻ được lót sàn gỗ bị hư không an toàn cho trẻ.

Phòng thể chất chưa được lót sàn gỗ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Trong năm học 2024-2025 nhà trường duy trì các phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ và hiên chơi luôn đảm bảo theo yêu cầu (bàn ghế cho giáo viên và trẻ, đủ đồ dùng, đồ chơi, tranh ảnh, hoa, hệ thống đèn, hệ thống quạt, ti vi, máy vi tính, giường, gối, mền...). Nhà trường kiến nghị với cấp trên, cấp kinh phí để trang bị lót sàn gỗ cho phòng thể chất, phòng học lớp nhà trẻ

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

***Tiêu chí 3.3:*** *Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm*

Mức 1:

*a) Có các loại phòng theo quy định;*

*b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*

*c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

*a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*

*b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

Mức 3:

*Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ các loại phòng theo quy định gồm: văn phòng trường diện tích 108 m2, phòng hiệu trưởng diện tích 27 m2, hai phòng phó hiệu trưởng diện tích mỗi phòng là 27 m2, phòng hành chính quản trị diện tích 27 m2; phòng y tế diện tích 21 m2; phòng bảo vệ diện tích 12 m2; phòng nghỉ cho nhân viên diện tích 24 m2; 3 khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên mỗi khu diện tích 23 m2; khu để xe cho cho cán bộ, giáo viên, nhân viên 40 m2 [H3-3.2-01];   
[H1-1.6-02].

b) Tất cả các loại phòng được trang bị các phương tiện làm việc như: Salon tiếp khách, bàn làm việc, bàn ghế họp, ti vi, máy lạnh, máy vi tính, máy in, tủ để tài liệu, tủ đựng hồ sơ chuyên môn, lưu trữ các văn bản và tài liệu pháp luật [H3-3.2-01]; [H1-1.6-02].

Phòng y tế có sổ theo dõi bệnh và khám sức khoẻ định kỳ cho trẻ   
[H1-10.2-03], có 01 tủ đựng các trang thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khoẻ trẻ cần thiết (cặp nhiệt độ, tai nghe, bông gạc, một số loại thuốc thông dụng), 02 giường nhận bệnh, 01 bộ bàn ghế làm việc, 01 máy vi tính, có các bảng biểu theo dõi cân đo trẻ, có tranh ảnh và bảng thông báo các biện pháp tích cực can thiệp chữa bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, trẻ béo phì [H3-3.2-01]; [H1-1.6-02].

Phòng bảo vệ có diện tích 12 m2 có đầy đủ các thiết bị gồm: 01 bộ bàn ghế làm việc, 01 đồng hồ, 01 sổ trực theo dõi khách, 01 tủ đựng đồ dùng, 01 giường nghỉ. Phòng dành cho nhân viên có diện tích 24 m2, có tủ để đồ dùng cá nhân, có bàn ghế. Tuy nhiên, Phòng dành cho nhân viên chưa được trang bị giường nghỉ cho nhân viên nghỉ trưa.

c) Khu để xe dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có diện tích 40 m2 được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.2-01]; [H1-1.6-02].

Mức 2:

a) Trường có đầy đủ các loại phòng theo quy định gồm:văn phòng trường diện tích 108 m2, phòng hiệu trưởng diện tích 27 m2, hai phòng phó hiệu trưởng diện tích mỗi phòng là 27m2, phòng hành chính quản trị diện tích 27 m2; phòng y tế diện tích 16 m2; phòng bảo vệ diện tích 9m2; phòng nghỉ cho nhân viên diện tích 21 m2; 3 khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên mỗi khu diện tích 23 m2; khu để xe cho cho cán bộ, giáo viên, nhân viên 40 m2 [H3-3.2-01]; [H1-1.6-02].

b) Khu để xe dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, tiện lợi [H3-3.2-01]; [H1-1.6-02].

Mức 3:

Các loại phòng của trường đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu 3907 năm 2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.2-01]; [H1-1.6-02].

**2. Điểm mạnh**

Trường có văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, các phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Các phòng có đầy đủ các phương tiện làm việc theo quy định và đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu 3907 năm 2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

**3. Điểm yếu**

Phòng dành cho nhân viên chưa được trang bị giường nghỉ cho nhân viên nghỉ trưa

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2024 - 2025 Hiệu trưởng nhà trường có kế hoạch kiểm tra thường xuyên, duy trì bảo quản, trang bị thay thế những phương tiện làm việc hư hỏng. Hiệu trưởng trang bị giường cho nhân viên cấp dưỡng nghỉ trưa.

**5. Tự đánh giá:** đạtMức 3.

***Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn.***

Mức 1:

*a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*

*b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*

*c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2:

*Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.*

Mức 3:

*Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

Mức 1:

a) Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp có 01 bếp ăn có diện tích 180 m2 đượcxây dựng kiên cố [H1-1.6-02].

b) Kho thực phẩm: diện tích 12 m2, được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm; có bảng theo dõi thực phẩm lưu kho [H3-3.2-01]; [H1-1.6-02].

c) Bếp ăn có 01 tủ lạnh lưu mẫu gồm tủ đựng thực phẩm sống và tủ lưu mẫu thức ăn hàng ngày cho trẻ. Tủ lưu mẫu được nhân viên Cấp dưỡng vệ sinh hàng ngày và thực hiện lưu mẫu đúng theo quy định [H3-3.2-01]; [H1-1.6-02]; [H1-10.2-03].

Mức 2:

Bếp ăn của trường có diện tích 180 m2, bình quân 0,79 m2/trẻ, được thiết kế theo quy trình bếp một chiều gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; sử dụng gas công nghiệp, có đủ các phương tiện phục vụ nấu ăn, với các máy móc thiết bị hiện đại như tủ hấp cơm, tủ sấy chén, máy xay thịt, ép nước quả, sinh tố. Kho thực phẩm có phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, thực hiện đúng các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày, có tủ chờ thực phẩm sống để chế biến chín, có thang máy để vận chuyển thức ăn về nhóm, lớp thuận tiện. Trường thực hiện đúng việc xử lý rác hàng ngày theo quy định. Hệ thống bếp gas an toàn, phòng gas cách xa khu chế biến, có hệ thống báo cháy [H3-3.2-01]; [H1-1.6-02]. Tuy nhiên, còn một vài dụng cụ chế biếnchưa mang tính hiện đại.

Mức 3:

Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp có bếp ăn được xây dựng theo quy định của điều lệ trường mầm non nhưng chưa đảm bảo theo Tiêu chuẩn Quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.2-01]; [H1-1.6-02].

**2. Điểm mạnh**

Bếp ăn được xây dựng theo quy trình vận hành một chiều, đồ dùng đầy đủ, bảo đảm vệ sinh; có kho thực phẩm, tủ lạnh lưu mẫu thức ăn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho trẻ..

**3. Điểm yếu**

Còn một vài dụng cụ chế biếnchưa mang tính hiện đại.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì bếp ăn đạt chuẩn theo quy định. Hiệu trưởng có kế hoạch thay mới một số dụng cụ chế biếnmang tính hiện đại hơn để giảm cường độ lao động cho nhân viên nấu ăn vào tháng 02/2025.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.***

Mức 1:

*a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

*Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

Mức 1:

a) Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 Ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non và sử dụng có hiệu quả trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra việc sử dụng thiết bị, đồ dùng, đồ chơi của giáo viên trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.6-02].

b) Trường có trang bị một số đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục quy định như: các đồ chơi ném vòng, cầu lông, bóng rổ, đồ chơi nước, cát... được sử dụng khi tổ chức hoạt động vui chơi bảo đảm tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ [H1-1.6-02].

c) Hằng năm, nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản các nhóm lớp. Từ đó xây dựng kế hoạch sửa chữa, mua sắm, thay thế, bổ sung, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi sao cho phù hợp với kinh phí của nhà trường [H1-1.6-02].

Mức 2:

a)Hệ thống máy tính của trường gồm: Máy tính các phòng học, phòng hành chánh quản trị, phòng y tế, văn phòng trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H1-1.6-02].

b) Nhà trường trang bị đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ trường mầm non. Tuy nhiên, hệ thống mạng của trường đôi lúc không ổn định do trường rộng đường mạng yếu [H1-1.6-02]; [H3-3.5-01].

c) Hằng năm nhà trường bổ sung thêm: Các thiết bị dạy học mở rộng (thiết bị dạy học ngoài danh mục, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non). Ngoài ra, giáo viên thường xuyên bổ sung các thiết bị dạy học do giáo viên tự làm như: Các đồ chơi phát triển vận động; bộ đồ chơi học tập (ráp hình, chơi chữ, cài cởi cúc áo, sắp xếp theo quy tắc,...); mô hình kể chuyện; trò chơi cảm giác; bộ cờ Đomino bốn góc,...[H1-1.6-02]; [H3-3.5-01].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được giáo viên khai thác và sử dụng hiệu quả đáp ứng nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy nhiên, các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định của nhà trường chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.6-02]; [H3-3.5-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có trang bị một số đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục quy định và sử dụng có hiệu quả trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

**3. Điểm yếu**

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định của nhà trường chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Hệ thống đường truyền mạng của trường đôi lúc không ổn định do trường rộng đường mạng yếu.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo, nhà trường có kế hoạch trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định, trang bị thêm các loại đồ chơi ngoài trời tự làm ngoài danh mục để tăng cường vận động cho trẻ, tổ chức hội thi làm đồ dùng đồ chơi để tận dụng, sử dụng các sản phẩm làm đồ dùng đồ chơi ngoài trời phong phú, đa dạng hơn. Gắn thêm các thiết bị phát Wifi để đường mạng ổn định hơn.

**5. Tự đánh giá**: đạt Mức 2.

***Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***.

Mức 1:

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2:

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ các khu vệ sinh cho giáo viên, nhân viên gồm: 03 khu vệ sinh giáo viên, mỗi lớp có nhà vệ sinh cho trẻ nam, trẻ nữ riêng đảm bảo sạch sẽ thoáng mát, thuận tiện cho trẻ sử dụng. Phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ em khuyết tật [H3-3.1-01]; [H1-1.6-02].

b) Nhà vệ sinh có hệ thống cấp thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; có hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ, có đủ nước sạch, vòi nước và xà phòng rửa tay. Các thiết bị vệ sinh bằng men sứ, kích thước phù hợp với trẻ. Trường sử dụng nguồn nước máy sạch. Hệ thống cống rãnh thoát nước của trường đều được xây và có nắp đậy, không ô nhiễm [H3-3.6-01].

c) Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường, cụ thể: trường có 10 thùng rác nhỏ, 03 thùng rác lớn bố trí đều các khu vực để đựng và phân loại rác thải hàng ngày có ký hiệu trên mỗi thùng. Bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời trong nhà trường; các phương tiện, dụng cụ thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Trường thực hiện thu gom hằng ngày và xử lý bằng cách vận chuyển tới nơi xử lý tập trung. Không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường tại đơn vị [H3-3.1-01]; [H1-1.6-02].

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo thuận tiện, xây dựng phù hợp với cảnh quan của nhà trường như: khu vệ sinh trẻ diện tích 18 m2 (trung bình 3,24m2/trẻ) ngăn cách nhà vệ sinh nam nữ riêng, được xây khép kín với nhóm lớp, thuận tiện cho trẻ sử dụng, đảm bảo trung bình 05 trẻ có 01 bồn cầu vệ sinh. Chỗ đi tiêu, đi tiểu được ngăn cách bằng vách ngăn lửng, kích thước mặt bằng của mỗi hố xí, chiều rộng máng tiểu đảm bảo theo quy định; đối với lớp mẫu giáo có chỗ riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái; có đủ nước sạch, vòi nước và xà phòng rửa tay. Các thiết bị vệ sinh bằng men sứ, kích thước phù hợp với trẻ. Phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ em khuyết tật; có 03 khu nhà vệ sinh dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (ở mỗi khu vực như: tầng trệt, tầng 01, và khu vệ sinh riêng cho nhà bếp) mỗi khu diện tích 18 m2. Tất cả được trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng phục vụ vệ sinh và thuận tiện cho sử dụng [H3-3.1-01]; [H1-1.6-02]. Nhà vệ sinh các khối lớp mẫu giáo chưa có khu vực sàn rửa cho trẻ.

b) Trường có hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải của trường đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT **-**BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học, cụ thể: trường sử dụng nguồn nước từ các cơ sở đủ điều kiện cung cấp nước ăn uống và nước sinh hoạt. Trường hợp trường học tự cung cấp nguồn nước thì chất lượng phải bảo đảm tiêu chuẩn về nước ăn uống theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 01:2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT**-**BYT ngày 17/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống; về nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 6 -1:2010/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai; về nước sinh hoạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 02:2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/TT**-**BYT ngày 17/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt [H1-1.10-02].

Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải của trường đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT **-**BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học, cụ thể: trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh. Trường học hợp đồng với các cơ sở Công Ty Dịch vụ Công ích huyện Cần Giờ để thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt tại trường [H1-1.10-02]; [H3-3.6-02]. Bố trí thùng đựng và phân loại rác thải, hệ thống thu gom và xử lý rác thải của phòng y tế, lớp học; nhà bếp và các phòng khác theo quy định.

**2. Điểm mạnh**

Trường có bếp ăn được xây dựng theo quy trình vận hành một chiều, đồ dùng đầy đủ, bảo đảm vệ sinh; có kho thực phẩm, tủ lạnh lưu mẫu thức ăn. Có nhà vệ sinh cho trẻ và cán bộ giáo viên, nhân viên đảm bảo yêu cầu, thuận tiện sử dụng.Trường có hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải của trường đáp ứng quy định.

**3. Điểm yếu**

Nhà vệ sinh các khối lớp mẫu giáo chưa có khu vực sàn rửa cho trẻ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2024-2025 nhà trường duy trì bếp ăn luôn đảm bảo theo quy trình vận hành bếp một chiều, đảm bảo việc xử lý, thu gom rác đúng quy định. Có kế hoạch sữa chữa cải tạo bổ sung khu vực sàn rửa các lớp mẫu giáo.

**5. Tự đánh giá**: đạt Mức 2.

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 3:**

**\* Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường có diện tích rộng thoáng mát, sạch đẹp, khuôn viên và các công trình đảm bảo yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

Đảm bảo các điều kiện sinh hoạt, học tập, vui chơi của trẻ.

Có đủ các phòng chức năng, nhà vệ sinh, nhà bếp theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

**\* Điểm yếu cơ bản:**

Phòng học lớp nhà trẻ được lót sàn gỗ bị hư không an toàn cho trẻ

Phòng thể chất chưa được lót sàn gỗ.

Thiết bị đồ chơi ngoài danh mục chưa nhiều, chưa đa dạng phong phú.

Phòng nhân viên bảo vệ chưa trang bị giường nghỉ cho nhân viên nghỉ trưa.

Còn một vài dụng cụ chế biếnchưa mang tính hiện đại.

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định của nhà trường chưa nhiều đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Hệ thống đường truyền mạng của trường đôi lúc không ổn định do trường rộng đường mạng yếu.

**\* Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06**

**\* Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06**

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.**

**Mở đầu:**

Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp có nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục giúp trẻ phát triển một cách toàn diện và chuẩn bị tâm thế cho trẻ vào lớp Một. Do đó, để thực hiện mục tiêu giáo dục nói chung, mục tiêu giáo dục mầm non nói riêng không những phải làm tốt công tác chăm sóc giáo dục trong nhà trường mà còn phải kết hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội.

Xác định được tầm quan trọng của việc phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ, trong những năm qua, trường Mầm non Tam Thôn Hiệp không ngừng tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với Ban Đại diện cha mẹ học sinh. Hằng năm, trường phối hợp với Ban Đại diện cha mẹ học sinh tổ chức Hội nghị cha mẹ học sinh cấp lớp và bầu ra ban Đại diện cha mẹ học sinh cấp trường. Nhà trường có Ban Đại diện cha mẹ học sinh của trường và các lớp hoạt động theo đúng Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh. Ban Đại diện cha mẹ học sinh thực hiện nhiều công trình góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Giáo viên các lớp xây dựng góc tuyên truyền với các nội dung về chăm sóc giáo dục trẻ, những chế độ chính sách liên quan đến công tác giáo dục mầm non. Hằng ngày, giáo viên theo dõi trẻ bằng sổ kế hoạch ngày và trao đổi với cha mẹ học sinh về tình hình sinh hoạt của trẻ.

***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ.***

Mức 1:

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.*

*Mức 3:*

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường tổ chức Hội nghị cha mẹ học sinh và bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp và của cấp trường. Ban Đại diện hoạt động theo Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh số 55/2011/TT-BGDĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Nhà trường luôn chủ động phối hợp với cha mẹ học sinh trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ [H4-4.1-01].

b) Hằng năm Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường phối hợp ban giám hiệu nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm học dựa vào kế hoạch năm học của trường và được lưu trữ theo từng năm [H4-4.1-01].

c) Ban đại diện cha mẹ trẻ em tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ, có tổ chức họp triển khai và đánh giá các hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ như: phối hợp nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ em thông qua các hình thức để tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ học sinh thực hiện chăm sóc giáo dục trẻ khi ở nhà thông qua các cuộc họp cha mẹ học sinh, nói chuyện chuyên đề, trao đổi trực tiếp, qua biểu bảng tuyên truyền của nhà trường, góc tuyên truyền của các lớp. Thông báo trên hệ thống phát thanh của trường [H4-4.1-02].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01]. Tuy nhiên, các hoạt động của ban đại diện cha mẹ trẻ ở cấp lớp hoạt động chưa nhiều, chưa huy động được hết sự đóng góp của cha mẹ học sinh.

**2.** **Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ các Ban Đại diện cha mẹ học sinh của lớp, của trường và hoạt động theo Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh; thực hiện tốt việc phối kết hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

**3. Điểm yếu**

Các hoạt động của ban đại diện cha mẹ trẻ ở cấp lớp chưa nhiều, chưa huy động được hết sự đóng góp của cha mẹ học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024-2025, cán bộ quản lý phối hợp Ban đại diện cha mẹ trẻ phát huy tốt vai trò của ban đại diện cha mẹ trẻ ở các nhóm, lớp đạt hiệu quả hơn, huy động được hết sự đóng góp của cha mẹ học sinh để góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

***Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.***

Mức 1:

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.*

Mức 3:

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện các chính sách về giáo dục mầm non như: xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm cơ sở miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và tiền ăn trưa cho trẻ theo quy định, thông qua việc báo cáo trực tiếp và bằng văn bản [H4-4.2-01].

b) Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: tuyên truyền thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ; tuyên truyền qua bản tin tuyên truyền của trường lớp; Qua buổi hợp hội đồng trường, hội đồng sư phạm, họp liên tịch, buổi họp cha mẹ học sinh...trao đổi giữa cán bộ, giáo viên và cha mẹ trẻ em [H4-4.2-02]; [H1-1.10-02].

c) Nhà trường phối hợp hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể huy động các nguồn lực trong đó chủ yếu là cha mẹ học sinh để ủng hộ về kinh phí thực hiện các công trình hằng năm với tổng số tiền trung bình 10,000,000 đồng/năm học [H4-4.2-03]. Thực hiện tốt công tác phối hợp với các đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ, cụ thể: cùng với Công an xã Tam Thôn Hiệp xây dựng Quy chế phối hợp giữa nhà trường và công an về công tác an ninh trật tự trong nhà trường [H1-1.10-01]. Tiếp tục duy trì và thực hiện phong trào "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” như: tạo mối thân thiện giữa cấp trên với cấp dưới, giữa giáo viên với giáo viên, giữa giáo viên với trẻ,… giúp trẻ mạnh dạn tự tin trong giao tiếp, tích cực tham gia các hoạt động [H4-4.2-04]. Phối hợp với Trung tâm Y tế Dự phòng huyện Cần Giờ tổ chức khám sức khỏe cho trẻ theo định kỳ, tiêm chủng mở rộng cho trẻ trong độ tuổi, tập huấn an toàn vệ sinh thực phẩm cho nhân viên nấu ăn [H1-1.10-02]. Tuy nhiên, chưa vận động được các mạnh thường quân đóng góp ủng hộ thực hiện các công trình chủ yếu từ nguồn đóng góp của cha mẹ học sinh các lớp.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giúp nhà trường hoàn thành chỉ tiêu các năm học như: phối hợp Ủy ban nhân dân xã Tam Thôn Hiệp tuyên truyền vận động trẻ ra lớp, công tác phát triển và xây dựng Đảng: có kế hoạch bồi dưỡng tạo nguồn, giới thiệu đoàn viên ưu tú, đủ tiêu chuẩn và điều kiện được kết nạp vào đảng, công tác đảm bảo an toàn trường học... [H1-1.1-01]; [H1-1.10-01]; [H1-1.3-01].

b) Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như: ngày hội đến trường của bé 5/9, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, Bé vui đón Tết, ngày Giỗ Tổ Hùng Vương, lễ tổng kết năm học và lễ ra trường học sinh khối Lá. Các giáo viên tổ chức ôn lại các kỹ năng ca múa, hát, đọc thơ...cho trẻ để tham gia vào hoạt động lễ hội, văn nghệ. Việc tổ chức các hoạt động lễ hội, văn nghệ giúp trẻ tự tin, mạnh dạn hơn trong giao tiếp với mọi người, trẻ có thêm các kỹ năng về âm nhạc. Thông qua các hoạt động vui chơi trẻ có cơ hội rèn thêm các kỹ năng sống, giao tiếp, tự phục vụ, thiết lập các mối quan hệ bạn bè, góp phần hình thành và phát triển nhân cách trẻ. Việc tổ chức hoạt động vui chơi, hoạt động lễ hội, văn nghệ được thực hiện tại đơn vị luôn sinh động tạo được cảm xúc tích cực ở trẻ và cha mẹ học sinh [H4-4.2-05].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh chỉ hoạt động theo kế hoạch chưa có sự tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H4-4.2-06].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để xây dựng trường xanh, sạch, đẹp; môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ.

**3. Điểm yếu**

Chưa huy động được các nguồn đóng góp từ các mạnh thường quân để có nhiều kinh phí thực hiện các công trình chăm lo cho trẻ đạt hiệu quả.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục duy trì công tác phối hợp với cấp chính quyền địa phương vận động cha mẹ học sinh cho trẻ ra lớp và tham gia học bán trú; phối hợp với cha mẹ học sinh tạo sự đồng thuận, thống nhất về nội dung và hình thức chăm sóc, giáo dục trẻ, đồng thời là cầu nối cho việc tuyên truyền đến toàn thể cha mẹ học sinh thực hiện tốt những nội quy, quy định của trường. Huy động thêm các nguồn lực từ các mạnh thường quân để hỗ trợ các hoạt động giáo dục trẻ tại đơn vị.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

**\* Kết luận** **về Tiêu chuẩn 4:**

**\* Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo và chính quyền địa phương trong công tác cải tạo xây dựng cơ sở vật chất.

Phối hợp tốt với Ban đại diện cha mẹ học sinh hỗ trợ tích cực cho các hoạt động của nhà trường để nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

**\* Điểm yếu cơ bản:**

Các hoạt động của ban đại diện cha mẹ trẻ ở cấp lớp chưa nhiều, chưa huy động được hết sự đóng góp của cha mẹ học sinh.

Chưa huy động được các nguồn đóng góp từ các mạnh thường quân.

**\* Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 02/02

**\* Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/02

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

**Mở đầu:**

Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, là nền tảng đầu tiên của Ngành Giáo dục và Đào tạo. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non tốt sẽ góp phần rất lớn đến chất lượng giáo dục ở bậc học tiếp theo. Chính vì vậy, việc nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ là mục tiêu cơ bản, nhiệm vụ hàng đầu của trường Mầm non Tam Thôn Hiệp trong những năm qua là xây dựng kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ để giúp trẻ được phát triển toàn diện về thể chất, ngôn ngữ, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ; hình thành những yếu tố đầu tiên chuẩn bị tâm thế cho trẻ vào lớp Một.

***Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.***

Mức 1:

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*

*c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

*a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;*

*b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

Mức 1:

a) Trường thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục mầm non. Kế hoạch giáo dục thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, trường và trẻ tại nhóm lớp gồm: kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch tháng, kế hoạch ngày, kế hoạch vui chơi năm, tháng, tuần theo độ tuổi từng nhóm lớp [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

b) Năm học 2024-2025 trường thực hiện thí điểm việc phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với quy định chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ. Nội dung kế hoạch thực hiện phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị [H5-5.1-01].

c) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, kiểm tra và giúp giáo viên điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục cho phù hợp giúp trẻ phát triển tốt về các mặt [H5-5.1-01];   
[H5-5.1-02].

Mức 2:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch năm học và tổ chức chỉ đạo tổ chuyên môn cùng các nhóm lớp xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình theo năm học phù hợp với chỉ đạo của ngành và đặc điểm tình hình của từng nhóm lớp. Kết quả 100% nhóm lớp xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch đề ra [H5-5.1-03].

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng 12/2024** | | **Nhà trẻ** | | **Mẫu giáo** | |
| **Đạt** | **Không đạt** | **Đạt** | **Không đạt** |
| **Các lĩnh vực phát triển** | Phát triển nhận thức | 85 | 15 | 86,8 | 13,2 |
| Phát triển thể chất | 90 | 10 | 90,8 | 9,2 |
| Phát triển ngôn ngữ | 90 | 10 | 89,6 | 10,4 |
| Phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ | 80 | 20 | 91,6 | 8,4 |
| Phát triển thẩm mỹ | 90,8 | 9,2 |

b) Năm học 20242-2025 trường thực hiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Nội dung kế hoạch thực hiện phù hợp với văn hóa địa phương, của trường và tình hình thực tế tại lớp, đáp ứng đầy đủ khả năng và nhu cầu của trẻ [H1-1.8-01]. Trường chưa triển khai thực hiện phát triển chương trình giáo dục mầm non đại trà 100% các nhóm, lớp.

Mức 3:

a) Nhà trường thực hiện phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương và trẻ tại nhóm lớp. Tuy nhiên, trường chưa có điều kiện tham khảo các kế hoạch giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới [H5-5.1-01].

b) Hằng năm nhà trường thực hiện tổng kết, đánh giá những ưu khuyết điểm về việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của năm học trước làm nền tảng cho năm học sau để giúp giáo viên điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [H1-1.6-05].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch đề ra, có sự theo dõi định kỳ rà soát và đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non để giáo viên có sự điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện, văn hóa địa phương và đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ em góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Trường chưa có điều kiện tham khảo các kế hoạch giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt chương trình giáo dục mầm non và phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, theo đúng kế hoạch đề ra đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ em phù hợp với văn hóa địa phương. Có kế hoạch cho cán bộ quản lý cùng giáo viên mạnh dạn học tập Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới, bồi dưỡng cho các giáo viên mới nằm bắt kịp thời Chương trình giáo dục mầm non như: Tham gia các lớp bồi dưỡng do phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức, tham dự các chuyên đề, các tiết thao giảng để thực hiện phát triển kế hoạch giáo dục đại trà 100% các nhóm lớp.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;***

Mức 1:

*a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

*b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

*c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

*Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 3:

*Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

Mức 1:

a) Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp với đặc điểm tình hình của nhóm, lớp điều kiện nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của cá nhân trẻ   
[H5-5.2-01].

b) Trường xây dựng môi trường giáo dục tại đơn vị theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm với các nội dung: đổi mới nội dung lập kế hoạch giáo dục trẻ; nội dung xây dựng môi trường giáo dục, đổi mới trong thiết kế các hoạt động chơi, hoạt động học cho trẻ; đổi mới trong hoạt động tuyên truyền. Nhằm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ; đánh giá đúng, tôn trọng và phát huy được khả năng, thế mạnh của mỗi trẻ; tạo điều kiện giúp mỗi đứa trẻ đều có cơ hội tốt nhất để phát triển [H4-4.2-05];   
[H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; [H5-5.2-02].

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế tại nhóm lớp [H5-5.2-01]; [H4-4.2-04].

Mức 2:

Trường tổ chức đa dạng các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh giúp trẻ hình thành các kỹ năng như hoạt động vui chơi ngoài trời, vui chơi trong lớp và hoạt động học nhất là hoạt động lễ hội, tham quan phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích sự hứng thú của trẻ. Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của cá nhân trẻ. Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch và tổ chức cho trẻ 4-5 tuổi và 5-6 tuổi tham quan tìm hiểu, giao lưu chú Bộ đội tại Ban chỉ huy Quân sự xã Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giờ [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]. Tuy nhiên, nhà trường chưa cho trẻ tham quan nhiều địa danh, di tích khác trên địa bàn huyện Cần Giờ.

Mức 3:

Trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ em; kích thích hứng thú theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm. Tạo cơ hội cho tất cả trẻ em tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” [H5-5.1-01];   
[H5-5.1-02]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]. Một vài nội dung chơi tổ chức chưa phong phú với khả năng thực tế của trẻ. Một số giáo viên mới tuyển dụng xử lý tình huống chưa nhạy bén khi tổ chức hoạt động.

**2. Điểm mạnh**

Trường xây dựng môi trường giáo dục tại đơn vị theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm với các nội dung: Đổi mới nội dung lập kế hoạch giáo dục trẻ; nội dung xây dựng mội trường giáo dục, đổi mới trong thiết kế các hoạt động chơi, hoạt động học cho trẻ; đổi mới trong hoạt đông tuyên truyền. Giáo viên linh hoạt tổ chức các hoạt động đa dạng, phong phú, tích hợp phù hợp, giao tiếp nhẹ nhàng với trẻ tích cực tham gia các hoạt động. Qua đó giúp trẻ mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp, chủ động, tích cực, tìm tòi, khám phá thông qua các hoạt động học tập, hoạt động vui chơi mọi lúc mọi nơi.

**3. Điểm yếu**

Một số nội dung chơi chưa phong phú với khả năng thực tế của trẻ. Một số giáo viên mới tuyển dụng xử lý tình huống chưa nhạy bén khi tổ chức hoạt động.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024- 2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, phát triển Chương trình giáo dục mầm non, linh hoạt sử dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến. Hiệu phó cùng tổ trưởng chuyên môn tăng cường dự giờ, bồi dưỡng các giáo viên mới mạnh dạn tổ chức hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” và hướng dẫn giáo viên mới tuyển dụng xử lý tình huống nhạy bén hơn khi tổ chức hoạt động.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ****.*

Mức 1:

*a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*

*b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*

*c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 2:

*a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*

*b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*

*c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 3:

*Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

Mức 1:

a) Năm học 2024-2025, nhà trường ký hợp đồng với phòng khám Y dược Sài Gòn tổ chức khám sức khỏe phân loại tình trạng dinh dưỡng cho trẻ đạt 100%. Ngoài ra, nhà trường còn phối hợp với trạm y tế xã Tam Thôn Hiệp báo cáo nói chuyện chuyên đề về chăm sóc sức khỏe - dinh dưỡng trẻ đến Cha mẹ học sinh, chăm lo sức khỏe cho trẻ như tiêm ngừa vắcxin, cấp phát thuốc Cloramin B hằng tháng để vệ sinh phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng,…  
[H1-1.10-02].

b) 100% trẻ được cân đo hàng tháng đối với trẻ nhà trẻ, hàng quý đối với trẻ mẫu giáo để kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng sổ sức khỏe, biểu đồ tăng trưởng theo quy định   
[H5-5.3-01].

c) Vào đầu năm học hàng năm, nhà trường tổ chức cân đo và phân loại tình trạng dinh dưỡng trẻ để xác định số trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân. Từ đó, đưa ra nhiều biện pháp nhằm bảo đảm sức khoẻ cho trẻ, giúp giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, thấp còi như: tuyên truyền đến cha mẹ học sinh về chế độ dinh dưỡng từng lứa tuổi, phòng và xử lý một số bệnh thường gặp ở trẻ thông qua bản tin của lớp, trường, qua các buổi họp cha mẹ học sinh, các buổi nói chuyện chuyên đề. Tính đến thời điểm tháng 12 năm 2022, trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, thấp còi, giảm 6/15, đạt tỷ lệ 40% [H5-5.3-01]; [H4-4.2-01].

Để hạn chế tăng cân bảo đảm sức khoẻ cho trẻ thừa cân, béo phì, nhà trường luôn duy trì tốt “Mô hình chăm sóc nuôi dưỡng” tăng cường các biện pháp phòng chống béo phì bằng cách: tăng lượng vận động theo kế hoạch được phân công cụ thể từng nhóm, lớp tuyên truyền với cha mẹ cho trẻ ăn nhiều rau xanh và trái cây tươi hạn chế ăn ngọt, béo và các loại nước có gas...Trẻ thừa cân, trẻ béo phì giảm 12/80, đạt tỷ lệ 15% [H5-5.3-01].

Mức 2:

a) Nhà trường có kế hoạch tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em trong công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ như: mời bác sĩ tư vấn chế độ dinh dưỡng hợp lý dành cho trẻ đến phụ huynh; tuyên truyền kiến thức khoa học về tác hại, nguyên nhân dẫn đến tình trạng dư cân, béo phì [H4-4.2-02]; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2017 (điều chỉnh lại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT), được xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, thực đơn được xây dựng đa dạng, phong phú, theo ngày, theo tuần, theo mùa. Các thực đơn trong tuần không trùng lấp nhau gồm một bữa chính và hai bữa phụ, ngoài ra trẻ còn được uống sữa, ăn Yaourt, kem, bánh plan… Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được theo quy định: nhà trường xây dựng khẩu phần ăn phù hợp với từng độ tuổi: nhu cầu năng lượng tại trường của 01 trẻ trong một ngày chiếm 60-70% của trẻ nhà trẻ đạt 70% kcalo, tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu là chất đạm cung cấp khoảng 14%, chất béo cung cấp khoảng 36%, chất bột cung cấp khoảng 50%. Nhu cầu năng lượng tại trường của 01 trẻ trong một ngày chiếm 55-60% của trẻ mẫu giáo đạt 55.66% kcal, tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu là chất đạm cung cấp khoảng 14%, chất béo cung cấp khoảng 26%, chất bột cung cấp khoảng 60%. Nhà trường luôn thay đổi thực đơn hàng ngày, hàng tuần, theo mùa, đảm bảo đầy đủ chất dinh dưỡng cho trẻ tại trường [H1-1.6-04].

c) Đầu năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng, dư cân-béo phì, qua đó đưa ra nhiều biện pháp nhằm đảm bảo sức khỏe cho trẻ, giúp giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân-béo phì, đảm bảo 100% trẻ suy dinh dưỡng, dư cân-béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm: đến thời điểm tháng 12 năm 2022, trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân giảm 6/15 đạt tỷ lệ 40%, trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, thấp còi giảm 5/7 đạt tỷ lệ 71.42%; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03]. Tuy nhiên, tỷ lệ trẻ nhẹ cân giảm chưa nhiều.

Mức 3:

Trẻ được theo dõi chiều cao, cân nặng theo qui định. Chiều cao cân nặng trẻ phát triển tốt theo độ tuổi. Tỷ lệ trẻ có chiều cao, cân nặng phát triển bình thường hằng năm đều tăng năm học: năm học 2019-2020 là 201/238 tỷ lệ 84,45%; Năm học 2020-2021 là 164/189 tỷ lệ 86,%, năm học 2021-2022 là 163/163 tỷ lệ 100%; năm học 2022-2023 là 150/227 tỷ lệ 66 %; 2023-2024 là 182/234 tỷ lệ 77,7%, [H5-5.3-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có chế độ chăm sóc phù hợp với từng đối tượng trẻ, có kế hoạch cụ thể triển khai đến các cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ thông qua bảng tuyên truyền, sổ liên lạc để biết được tình hình sức khỏe của bé.

**3. Điểm yếu**

Tỷ lệ trẻ nhẹ cân giảm chưa nhiều.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phối hợp với phụ huynh thực hiện tốt công tác nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và sức khoẻ để trẻ phát triển cân đối, khoẻ mạnh. Hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng và các giáo viên tăng cường các biện pháp can thiệp phù hợp để cải thiện, tình trạng dinh dưỡng đối với trẻ nhẹ cân.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục.***

Mức 1:

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.*

Mức 2:

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.*

Mức 3:

*a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;*

*b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.*

**1. Mô tả hiện trạng:**

Mức 1:

a) Hằng năm, tỷ lệ chuyên cần trẻ 05 tuổi và trẻ dưới 05 tuổi đạt theo quy định. Cụ thể:

- Năm học 2019-2020 tỷ lệ chuyên cần của trẻ toàn trường đạt 85% trong đó tỷ lệ chuyên cần trẻ 05 tuổi đạt 90%; tỷ lệ chuyên cần trẻ nhà trẻ đạt 80%, trẻ 3 - 4 tuổi đạt 85%, trẻ 4-5 tuổi đạt 85%

- Năm học 2020-2021 tỷ lệ chuyên cần của trẻ toàn trường đạt 89,62% trong đó tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 91,7%; tỷ lệ chuyên cần trẻ nhà trẻ đạt 88,9%, trẻ 3-4 tuổi đạt 89,4%, trẻ 4-5 tuổi đạt 88,5%.

- Năm học 2021-2022 tỷ lệ chuyên cần của trẻ toàn trường đạt 92,2% trong đó tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 95,1%; tỷ lệ chuyên cần trẻ nhà trẻ đạt 91,5%, trẻ 3-4 tuổi đạt 91%, trẻ 4-5 tuổi đạt 91,2%; Tỷ lệ chuyên cần của trẻ tại trường đạt tỷ lệ chưa cao do dịch bệnh covid 19.

- Năm học 2022-2023 tỷ lệ chuyên cần của trẻ toàn trường tính đến tháng 12/2022 đạt 89,04% trong đó tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 87,72%; tỷ lệ chuyên cần trẻ nhà trẻ đạt 90,3%, trẻ 3-4 tuổi đạt 90,3%, trẻ 4-5 tuổi đạt 87,86%.

- Năm học 2023-2024 tỷ lệ chuyên cần của trẻ toàn trường đạt 86,5% trong đó tỷ lệ chuyên cần trẻ 05 tuổi đạt 92%; tỷ lệ chuyên cần trẻ nhà trẻ đạt 82%, trẻ 3-4 tuổi đạt 87%, trẻ 4-5 tuổi đạt 85% [H5-5.4-01].

b) Năm học 2023-2024, có tỷ lệ 100 % trẻ 05 tuổi đang học tại trường được công nhận hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-02].

c) Nhà trường có 05 trẻ khuyết tật học hòa nhập, có 01 trẻ có hoàn cảnh khó khăn học tại trường, giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục theo năm, tháng, tuần để đánh giá sự tiến bộ của trẻ hàng tháng theo qui định [H1-1.5-03].

Mức 2:

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ đến cuối tháng 12/2024 như sau:

- Tỷ lệ chuyên cần trẻ nhà trẻ đạt 90,3%.

- Tỷ lệ chuyên cần trẻ 3-4 tuổi đạt 90,3%.

- Tỷ lệ chuyên cần trẻ 4-5 tuổi đạt 85% .

- Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt 87,72% [H5-5.4-01].

b) Tháng 06/2024 có 84/84 trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt đạt tỷ lệ 100% [H5-5.4-02].

c) Nhà trường có 05 trẻ khuyết tật học hòa nhập học lớp chồi 1, lá 1, lá 2 giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục theo năm, tháng, tuần để đánh giá sự tiến bộ của trẻ đến cuối năm học đạt 80%, có 01 trẻ có hoàn cảnh khó khăn học tại lớp lá 3, nhà trường xây dựng kế hoạch phối hợp với ủy ban xã, Chi bộ, Chi đoàn có biện pháp đưa đón trẻ đến trường [H1-1.5-03].

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và được đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi đạt 100 % [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03].

b) Nhà trường có 05 trẻ khuyết tật học hòa nhập học lớp chồi 2, lá 1, lá 2 giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục theo năm, tháng, tuần để đánh giá sự tiến bộ của trẻ đến cuối năm học đạt 85%, có 01 trẻ có hoàn cảnh khó khăn học tại lớp lá 3, nhà trường xây dựng kế hoạch phối hợp với ủy ban xã, Chi bộ, Chi đoàn có biện pháp đưa đón trẻ đến trường [H1-1.5-03].

**2. Điểm mạnh**

Tỷ lệ chuyên cần và tỷ lệ trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100%.

**3. Điểm yếu**

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ tại trường đạt tỷ lệ chưa cao do dịch bệnh covid 19.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Trong năm học 2024 - 2025 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương trong việc huy động trẻ 05 tuổi trên địa bàn ra lớp, quan tâm thực hiện đầy đủ các chính sách nhằm duy trì tỷ lệ chuyên cần cho trẻ tại trường, thực hiện tốt công tác tuyên truyền phối hợp với phụ huynh học sinh cho trẻ đến trường, đảm bảo 100% trẻ 05 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non. Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên phối hợp với phụ huynh cho trẻ đi học đều hơn.

**5. Tự đánh giá:**đạt Mức 2.

**\* Kết luận** **về Tiêu chuẩn 5:**

**\* Điểm mạnh nổi bật:**

Trẻ được chăm sóc giáo dục theo đúng Chương trình giáo dục mầm non, phát triển toàn diện các lĩnh vực phù hợp từng độ tuổi.

Duy trì sĩ số tốt không có trẻ 5 tuổi nghỉ học và 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non.

**\* Điểm yếu cơ bản:**

Trường chưa có điều kiện tham khảo các kế hoạch giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

Nhà trường chưa cho trẻ tham quan nhiều nhiều địa danh, di tích khác trên địa bàn huyện Cần Giờ.

Một số nội dung chơi chưa phong phú với khả năng thực tế của trẻ. Một số giáo viên mới tuyển dụng xử lý tình huống chưa nhạy bén khi tổ chức hoạt động.

Tỷ lệ trẻ nhẹ cân giảm chưa nhiều.

Tỷ lệ chuyên cần trẻ tại trường đạt chưa cao.

\* Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04

\* Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

Căn cứ Điều 34 theo Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non;

Qua quá trình thực hiện đoàn đánh giá ngoài đánh giá Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp đánh giá đạt kết quả như sau:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3;

+ Mức 1:

- Số lượng các tiêu chí đạt: 25/25, tỉ lệ: 100%

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/25, tỉ lệ: 00%

+ Mức 2:

- Số lượng các tiêu chí đạt: 25/25, tỉ lệ: 100%

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/25, tỉ lệ: 0%

+ Mức 3:

- Số lượng các tiêu chí đạt: 09/19, tỉ lệ: 47,37%

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 10/19, tỉ lệ: 52,63%

- Mức đánh giá của đoàn đánh giá ngoài: Mức 2;

- Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp đề nghị đạt kiểm định chất lượng Cấp độ 2 và đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 1./.

*Cần Giờ, ngày 09 tháng 12 năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Thị Gái** |

**Phần IV. PHỤ LỤC**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Số**  **TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phóng vấn, quan sát,....** | **Nơi**  **ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú** |
| **Tiêu chí 1.1** | 1 | [H1-1.1-01] | - Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. | - Giai đoạn 2021-2025 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.1-02] | Kế hoạch năm, tháng, tuần. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng -  Phó hiệu trưởng chăm sóc  Phó hiệu trưởng giáo dục |
| 3 | [H1-1.1-03] | - Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học và nhiệm vụ năm học mới ngành giáo dục và đào tạo huyện Cần Giờ;  - Kế hoạch Giáo dục mầm non năm học. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng |
| 4 | [H1-1.1-04] | Bản thông tin nội bộ của trường. | - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Văn thư |
| 5 | [H1-1.1-05] | Sổ họp liên tịch, họp Nghị quyết.  Sổ Ghi biên bản họp chuyên môn | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | -Hiệu trưởng  Phó hiệu trưởng giáo dục |
| **Tiêu chí 1.2** | 1 | [H1-1.2-01] | Hồ sơ Hội đồng trường:  - Quyết định thành lập Hội đồng trường.  - Sổ ghi biên bản họp Hội đồng trường.  - Nghị quyết Hội đồng trường. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.2-02] | Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.  1. Công văn đề nghị khen thưởng thành tích năm học;  2. Biên bản họp xét thi đua năm học;  3. Trích biên bản họp xét thi đua năm học;  4. Bảng điểm đánh giá thi đua đối với tập thể đơn vị năm học;  5. Phụ lục 18 mẫu danh sách đề nghị danh hiệu thi đua tập thể, cá nhân năm học;  6. Trích biên bản bỏ phiếu tín nhiệm. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Văn thư |
| 3 | [H1-1.2-03] | Hồ sơ xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm:  - Quyết định công nhận Hội đồng xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm;  - Kế hoạch viết và chấm sáng kiến kinh nghiệm.;  - Biên bản họp Hội đồng khoa học xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm;  - Bảng điểm đánh giá sáng kiến kinh nghiệm của các cá nhân;  - Bảng tổng hợp đề tài sáng kiến kinh nghiệm;  - Tờ trình về việc đề nghị chấm, đánh giá sáng kiến kinh nghiệm;  - Sáng kiến kinh nghiệm cá nhân. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.3** | 1 | [H1-1.3-01] | Hồ sơ công đoàn  Hồ sơ công đoàn:  - Nghị quyết Đại hội công đoàn nhiệm kỳ;  - Biên bản Đại hội công đoàn nhiệm kỳ;  - Sổ ghi biên bản sinh hoạt công đoàn;  - Quyết định chuẩn y Ban chấp hành công đoàn;  - Kế hoạch (chương trình) hoạt động năm học, tháng của công đoàn;  - Báo cáo kết quả hoạt động năm, tháng;  - Kế hoạch phát động; báo cáo sơ kết, tổng kết phong trào thi đua.  - Hồ sơ Ban thanh tra nhân dân | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Công đoàn |
|  | 2 | [H1-1.3-02] | Hồ sơ Chi đoàn  - Nghị quyết Đại hội chi đoàn nhiệm kỳ;  - Biên bản đại hội chi đoàn;  - Quyết định chuẩn y Ban chấp hành chi đoàn;  - Sổ ghi biên bản sinh hoạt chi đoàn;  - Kế hoạch (chương trình) hoạt động nhiệm kỳ năm học);  - Báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ, tháng. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Chi đoàn |
|  | 3 | [H1-1.3-03] | Hồ sơ hội Chữ thập đỏ  - Quyết định thành lập hội Chữ thập đỏ;  - Chương trình (kế hoạch) hoạt động Hội chữ thập đỏ nhiệm kỳ, năm, tháng;  - Báo cáo kết quả hoạt động hội Chữ thập đỏ. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Nhân viên Y tế |
|  | 4 | [H1-1.3-04] | Hồ sơ Hội Khuyến học  - Quyết định thành lập hội Khuyến học.  - Kế hoạch, hoạt động hội Khuyến học năm.  - Báo cáo kết quả hoạt động năm. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Phó  hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng |
|  | 5 | [H1-1.3-05] | Hồ sơ chi bộ  - Nghị quyết Đại hội chi bộ nhiệm kỳ;  - Biên bản Đại hội chi bộ nhiệm kỳ;  - Quyết định chuẩn y chức danh Bí thư chi bộ;  - Sổ biên bản sinh hoạt chi bộ. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Phó Hiệu trưởng  phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng |
| **Tiêu chí 1.4** | 1 | [H1-1.4-01] | Hồ sơ quản lý nhân sự. | - Năm học 2024-2025 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Văn thư |
| 2 | [H1-1.4-02] | Hồ sơ tổ chuyên môn giáo viên  - Quyết định thành lập tổ chuyên môn giáo viên (kèm danh sách các thành viên của tổ);  - Quyết định về bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn giáo viên;  - Kế hoạch hoạt động chung của tổ chuyên môn giáo viên theo năm học, tháng;  - Sổ biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn giáo viên. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Tổ trưởng chuyên môn  giáo viên. |
| 3 | [H1-1.4-03] | Hồ sơ thành lập tổ văn phòng  - Quyết định thành lập tổ (kèm danh sách các thành viên của tổ);  - Quyết định về bổ nhiệm tổ trưởng;  - Kế hoạch hoạt động chung của tổ văn phòng theo năm học, tháng;  - Sổ biên bản sinh hoạt tổ văn phòng giáo viên. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Tổ trưởng văn phòng |
| **Tiêu chí 1.5** | 1 | [H1-1.5-01] | Hồ sơ quản lý trẻ em | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Văn thư |
| 2 | [H1-1.5-02] | Danh sách trẻ | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Văn thư |
|  | 3 | [H1-1.5-03] | Hồ sơ trẻ khuyết tật | - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.6** | 1 | [H1-1.6-01] | Hồ sơ công tác văn thư lưu trữ  + Hồ sơ nguyên tắc (các văn bản hướng dẫn công tác văn thư, lưu trữ của các cấp);  + Sổ lưu các văn bản, công văn đi, đến;  + Quyết định ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của đơn vị;  + Quyết định phân công chuyên môn văn thư;  + Quyết định ban hành quy định quản lý và sử dụng con dấu;  + Kế hoạch công tác văn thư, lưu trữ năm, tháng;  + Biên bản kiểm tra công tác văn thư, lưu trữ của đơn vị. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Văn thư |
| 2 | [H1-1.6-02] | Hồ sơ quản lý tài sản, cơ sở vật chất  - Kế hoạch quản lý sử dụng tài sản, cơ sở vật chất;  - Quyết định về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản nhà nước của trường;  - Bảng phân công quản lý tài sản của trường;  - Biên bản kiểm kê tài sản cuối năm.  - Danh mục tài sản, trang thiết bị, đồ dùng dạy học;  - Sổ tài sản nhóm lớp. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Kế toán  Giáo viên các lớp |
| 3 | [H1-1.6-03] | Hồ sơ quản lý tài chính  - Quyết định giao dự toán ngân sách;  - Báo cáo quyết toán thu chi ngân sách, nguồn khác.  - Hồ sơ báo cáo tài chính hằng quý, năm.  - Sổ quỹ tiền mặt. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Kế toán  Thủ quỹ |
| 4 | [H1-1.6-04] | Hồ sơ quản lý công tác bán trú | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Phó  hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
| 5 | [H1-1.6-05] | Hồ sơ quản lý chuyên môn:  - Hồ sơ bồi dưỡng chuyên đề  **-** Hồ sơ bồi dưỡng Chuyên môn | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Phó  hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
| 6 | [H1-1.6-06] | Biên bản (hoặc kết luận, thông báo) các cấp có thẩm quyền về việc kiểm tra hệ thống hồ sơ, sổ sách, các hoạt động chuyên môn, công tác bồi dưỡng, công tác hành chính đơn vị. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng |
| 7 | [H1-1.6-07] | Hồ sơ qui chế chi tiêu nội bộ | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Văn thư |
| **Tiêu chí 1.7** | 1 | [H1-1.7-01] | Hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng  - Văn bản chỉ đạo của cấp trên.  - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng.  - Báo cáo công tác đào tạo bồi dưỡng | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.7-02] | Hồ sơ bổ nhiệm, quy hoạch cán bộ.  -Văn bản của cấp trên về kiểm tra, rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2020 - 2025 và những năm tiếp theo;  - Biên bản họp chi bộ;  - Biên bản họp hội đồng sư phạm;  - Biên bản đánh giá công chức, viên chức;  - Sơ yếu lý lịch của cán bộ, công chức. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng |
| 3 | [H1-1.7-03] | Hồ sơ Hội thi giáo viên mầm non dạy giỏi cấp trường và cấp huyện. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Phó  hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
| **Tiêu chí 1.8** | 1 | [H1-1.8-01] | Kế hoạch giáo dục mầm non của khác khối. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng |
|  | 2 | [H1-1.8-02] | Hồ sơ kiểm tra các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Phó  hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
| **Tiêu chí 1.9** | 1 | [H1-1.9-01] | Hồ sơ Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động nhà trường:  + Quyết định ban hành kèm Quy chế dân chủ trong hoạt động đơn vị;  + Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động đơn vị;  + Quy chế hoạt động của Tổ chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ;  + Kế hoạch triển khai thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động đơn vị;  + Báo cáo kết quả Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của đơn vị. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng |
|  | 2 | [H1-1.9-02] | Hồ sơ tiếp công dân | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng |
|  | 3 | [H1-1.9-03] | Hồ sơ công khai:  + Quyết định ban hành kèm quy chế công khai.  + Quyết định thành lập ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai  + Kế hoạch triển khai quy chế công khai.  + Công khai về cam kết chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 1.10** | 1 | [H1-1.10-01] | Hồ sơ đảm bảo an ninh trật tự trường học  - Kế hoạch bảo đảm an ninh trật tự trong nhà trường;  - Quy chế phối hợp giữa nhà trường và và công an xã Tam Thôn Hiệp;  - Báo cáo công tác bảo đảm an ninh trật tự trong nhà trường. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng |
| 2 | [H1-1.10-02] | Hồ sơ của y tế học đường  - Kế hoạch năm, tháng.  - kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe cho học sinh.  - Kế hoạch phòng chống dịch bệnh.  - Bảo đảm an toàn phòng chống tai nạn, thương tích.  - Hợp đồng và phiếu thu khám sức khỏe cho trẻ giữa nhà trường và cơ sở y tế.  - Biên bản kiểm tra hoạt động y tế của cấp trên đối với đơn vị. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường  Mầm non Tam Thôn Hiệp | Y tế |
| 3 | [H1-1.10-03] | Hồ sơ phòng chống cháy nổ  + Phương án phòng cháy chữa cháy của cơ sở.  + Kế hoạch tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.  + Kế hoạch huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy.  + Quyết định thành lập đội phòng cháy chữa cháy.  + Danh sách hội viên phòng cháy chữa cháy.  + Bảng thống kê phương tiện phòng cháy chữa cháy.  + Biên bản kiểm tra công tác phòng chống cháy nổ của cấp trên. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Phó  hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
| 4 | [H1-1.10-04] | Kế hoạch phòng, chống các tệ nạn xã hội trong nhà trường. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Văn thư |
| 5 | [H1-1.10-05] | Kế hoạch phòng, chống bạo lực học đường. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng |
| 6 | [H1-1.10-06] | Hộp thư góp ý của trường. | - Năm học 2024-2025 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hành lang khối văn phòng |
|  | 7 | [H1-1.10-07] | - Phương án đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, trẻ em tại trường | - Năm học 2024-2025 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.1** | 1 | [H2-2.1-01] | Hồ sơ đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng |
| 2 | [H2-2.1-02] | Hồ sơ Bồi dưỡng thường xuyên.  - Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của trường  - Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của tổ chuyên môn giáo viên  - Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của cá nhân (cán bộ quản lý, giáo viên). | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Phó  hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
| **Tiêu chí 2.2** | 1 | [H2-2.2-01] | Hồ sơ vị trí việc làm  - Báo cáo thực trạng.  - Bảng thống kê (7 phụ lục).  - Đề án vị trí việc làm của trường  - Biên bản về duyệt biên chế năm học;  - Quyết định giao số lượng người làm việc trong đơn vị; | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Văn thư |
| 2 | [H2-2.2-02] | Bảng thống kê trình độ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Văn thư |
| 3 | [H2-2.2-03] | Hồ sơ đánh giá xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non . | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng |
| **Tiêu chí 2.3** | 1 | [H2-2.3-01] | Hồ sơ đánh giá xếp loại công chức, viên chức. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Văn thư |
| **Tiêu chí 3.1** | 1 | [H3-3.1-01] | - Bảng vẽ các khu vực.  - Hồ sơ pháp lý xây dựng mới trường.  - Biên bản nghiệm thu công trình.  - Hồ sơ thanh toán khối lượng công trình | Bảng vẽ | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Kế toán |
|  | 2 | [H3-3.1-02] | - Ảnh chụp các khu vực của trường: Vườn cây, cổng trường, sân trường, phòng sinh hoạt chung của trẻ, phòng ngủ của trẻ, khu vực hiên chơi, nhà vệ sinh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục âm nhạc, nhà bếp, nhà kho, nhà để xe, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng thư viện, phòng nghỉ nhân viên, phòng y tế, phòng bảo vệ. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | -Phó hiệu trưởng giáo dục  -Phó hiệu trưởng chăm sóc |
| **Tiêu chí 3.2** |  | [H3-3.2-01] | Hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường | Bảng vẽ | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | -Phó hiệu trưởng chăm sóc |
| **Tiêu chí 3.5** | 1 | [H3-3.5-01] | Hợp đồng công ty Viettet kết nối Intenet | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Kế toán |
| **Tiêu chí 3.6** | 1 | [H3-3.6-01] | Hợp đồng nước uống | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 |  | Kế toán |
| 2 | [H3-3.6-02] | Hợp đồng chất thải rắn. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 |  | Kế toán |
| **Tiêu chí 4.1** | 1 | [H4-4.1-01] | Hồ sơ công tác phối hợp Cha mẹ học sinh.  - Kế hoạch tổ chức Đại hội Đại biểu Cha mẹ học sinh;  - Biên bản Hội nghị cha mẹ học sinh cấp lớp, danh sách Ban đại diện Cha mẹ học sinh cấp lớp;  - Biên bản Hội nghị cha mẹ học sinh cấp trường, danh sách Ban đại diện Cha mẹ học sinh cấp trường;  + Nghị quyết Đại hội cha mẹ học sinh;  + Danh sách Cha mẹ học sinh dự Hội nghị cấp lớp, cấp trường. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng |
| 2 | [H4-4.1-02] | Kế hoạch truyền thông, trường lớp. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Phó  hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng, giáo viên. |
| **Tiêu chí 4.2** | 1 | [H4-4.2-01] | Hồ sơ hỗ trợ tiền ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, hồ sơ miễn giảm học phí tiền học 2 buổi/ngày. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Kế toán |
| 2 | [H4-4.2-02] | Hồ sơ nói chuyện chuyên đề.  Kế hoạch nói chuyện đề  Biên bản  Tài liệu | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Phó  hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
| 3 | [H4-4.2-03] | Hồ sơ vận động tài trợ:  - Kế hoạch vận động tài trợ;  - Báo cáo vận động tài trợ  - Quyết định thành lập Tổ tiếp nhận tài trợ | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng |
| 4 | [H4-4.2-04 ] | Hồ sơ xây dựng trường học thân thiện học sinh tích cực:  Kế hoạch  Báo cáo | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng |
| 5 | [H4-4.2-05] | Kế hoạch tổ chức các hoạt động lễ hội.  Ảnh chụp trẻ tham gia các hoạt động lễ hội của trường. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Phó  hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
| 6 | [H4-4.2-06] | Hồ sơ công nhận đơn vị văn hóa  - Báo cáo đơn vị đạt chuẩn văn hóa.  - Bảng chấm điểm đơn vị đạt chuẩn văn hóa.  - Quyết định công nhận, ghi nhận đơn vị văn hóa. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Văn thư |
| **Tiêu chí 5.1** | 1 | [H5-5.1-01] | Kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non của trường. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Phó  hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
| 2 | [H5-5.1-02] | Kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non của giáo viên. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Phó  hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
| 3 | [H5-5.1-03] | Hồ sơ theo dõi, đánh giá các mặt phát triển của trẻ. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Phó  hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
| **Tiêu chí 5.2** | 1 | [H5-5.2-01] | Hồ sơ dự các hoạt động giáo viên | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Phó  hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
| 2 | [H5-5.2-02] | Ảnh chụp các hoạt động của trẻ: giờ ăn, giờ ngủ, giờ hoạt động học, vui chơi của trẻ, giờ đón trẻ, trẻ giữ gìn vệ sinh môi trường, trẻ chăm sóc cây xanh, trẻ hoạt động an toàn giao thông. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Phó  hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng |
| **Tiêu chí 5.3** | 1 | [H5-5.3-01] | Sổ sức khỏe, biểu đồ tăng trưởng | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Phó  hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng |
| 2 | [H5-5.3-02] | Hồ sơ cân đo | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Phó  hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng |
| 3 | [H5-5.3-03] | Hồ sơ tư vấn dinh dưỡng cho phụ huynh. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Phó  hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng |
| **Tiêu chí 5.4** | 1 | [H5-5.4-01] | Bảng tổng hợp điểm danh trẻ, chuyên cần của trẻ. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Phó  hiệu trưởng phụ trách nuôi dưỡng |
| 2 | [H5-5.4-02] | Hồ sơ Phổ cập trẻ 05 tuổi | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Văn thư |
| 3 | [H5-5.4-03] | Hồ sơ Bộ chuẩn phát triển trẻ 05 tuổi. | - Năm học 2019-2020  - Năm học 2020-2021  - Năm học 2021-2022  - Năm học 2022-2023  - Năm học 2023-2024 | Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp | Hiệu trưởng |

**BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG**